



BAO CAO THONG NIEN NAM 2013



MỤC LỤC

PHẦN 1	LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
PHẦN 2	BÁO CÁO CỦA HỘI NÔNG QUẢN TRỊ	10
PHẦN 3	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	15
PHẦN 4	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	27
PHẦN 5	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	36
PHẦN 6	CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN	56
PHẦN 7	TÀI CHỨC NHÂN SỬ	58
PHẦN 8	THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY	69



Phần 1 LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG:

1.1.1. Giới thiệu về Công ty:

- Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM**
- Tên Tiếng Anh : South Logistics Joint Stock Company
- Tên viết tắt : Sotrans
- Trụ sở chính : 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84.8) 3825 3009 Fax: (84.8) 3826 6593
- Email : info@sotrans.com.vn
- Website : www.sotrans.com.vn

Công ty CP Kho Vận Miền Nam – Sotrans được thành lập từ năm 1975 với hệ thống kho và vận chuyên chủ lực của ngành thương mại, đến năm 2007 Sotrans chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần hoạt động trong các lĩnh vực dịch vụ kho, kinh doanh xăng dầu, giao nhận vận tải quốc tế, cảng thông quan nội địa.

SOTRANS hiện đang là một trong những công ty hàng đầu trong ngành giao nhận vận tải quốc tế, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, dịch vụ kho và Cảng thông quan nội địa (ICD) tại Việt Nam. Hoạt động của Sotrans trong những năm qua luôn ổn định và phát triển mạnh. Doanh thu, lợi nhuận hàng năm của Sotrans luôn duy trì ở mức cao, đảm bảo cung ứng dịch vụ cho khách hàng với chất lượng tốt nhất mà còn đảm bảo lợi ích cao cho các cổ đông.

Trong tương lai Sotrans sẽ tiếp tục phát triển đa ngành với các hoạt động kinh doanh xăng dầu, đầu tư cảng, trung tâm phân phối, hậu cần, tiếp vận, trung tâm thương mại, khách sạn, văn phòng phức hợp theo qui hoạch của thành phố và các tỉnh.

Sotrans hiện có 7 đơn vị thành viên, hệ thống đại lý tại hơn 70 quốc gia trên thế giới, trong đó tập trung vào các thị trường lớn như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU... Với hệ thống đại lý toàn cầu, có quan hệ mật thiết với các hãng tàu uy tín, các dịch vụ của công ty luôn đảm bảo đúng lịch trình với giá cước phù hợp, đáp ứng yêu cầu riêng của từng khách hàng.

Sotrans đã được các tập đoàn đa quốc gia như Scavi, Cargil, Holcim, Uni-President, PepsiCo, Samsung, P&G, Colgate Palmolive ... lựa chọn là nhà cung ứng dịch vụ logistics tại thị trường Việt Nam.

Quá trình hình thành và phát triển:

- 1975 SOTRANS được thành lập.
- 1990 Thành lập XN Dịch Vụ Kho Vận Giao Nhận .
- 1992 Thành lập XN Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Quốc Tế.
- 1993 Thành lập VPĐD tại Đồng Nai.
- 1995 SOTRANS là thành viên VCCI.
- 1996 SOTRANS là thành viên VLA.
- 1997 Hợp tác với Gemadept xây dựng ICD Phước Long 2.
SOTRANS là thành viên FIATA.
- 1999 Thành lập Chi nhánh Sotrans tại Hà Nội.
- 2000 Thành lập Chi nhánh Sotrans Cần Thơ.
- 2001 Đạt chứng nhận ISO 9001:2000 trong lĩnh vực dịch vụ logistics do DNV cấp.
- 2002 Thành lập VPĐD tại Bình Dương.
- 2003 SOTRANS nhận Huân Chương Lao Động hạng ba.
- 2005 SOTRANS nhận Huân Chương Lao Động hạng nhì.
SOTRANS là thành viên IATA.
- 2007 SOTRANS chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.
- 2009 SOTRANS đoạt giải thưởng Sao Vàng đất Việt 2009.
- 2010 Thành lập XN Giao nhận Vận tải Quốc tế Tiêu Điểm.
Thành lập Cảng Kho Vận Sotrans ICD.
Thành lập XN Vật tư Xăng dầu.
SOTRANS nhận Huân Chương Lao Động hạng nhất.
- 2013 Thành lập Văn phòng Sotrans tại Móng Cái.

1.1.2. Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

Sotrans chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần từ năm 2007.

1.1.3. Niêm yết :

Sotrans niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM.

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

- Mã cổ phiếu: STG.
- Ngày giao dịch đầu tiên 02/03/2010.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Tổng số lượng niêm yết: 8.351.857 cổ phần.
- Tổng giá trị niêm yết: 83.518.570.000 đồng (*tính theo mệnh giá*).

1.2. **QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN:**

1.2.1 **Ngành nghề kinh doanh:**

- Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, cho thuê văn phòng làm việc.
- Xếp dỡ, giao nhận hàng hóa.
- Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức.
- Đại lý tàu biển.
- Môi giới hàng hải.
- Dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan.
- Dịch vụ phát chuyển nhanh.
- Kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center).
- Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyên tải hàng hoá.
- Đại lý kinh doanh xăng dầu.
- Mua bán dầu nhớt, hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh).
- Sản xuất, gia công sản phẩm dầu nhớt, dầu mỡ bôi trơn.
- Sản xuất bao bì các loại (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ).
- Mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.
- Mua bán sửa chữa tân trang các loại thùng phuy sắt nhựa.
- Mua bán hàng may mặc và nguyên phụ liệu may mặc.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế.
- Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa.
- Đại lý bảo hiểm.
- Cho thuê xe ô tô.
- Mua bán phụ gia, nguyên liệu pha chế dầu nhờn.
- Kinh doanh bất động sản.
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô; vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng.
- Đại lý bán vé tàu thủy.
- Bán buôn phân bón, bình ắc quy.

1.2.2 **Tình hình hoạt động:**

Hiện nay, Công ty có các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh kho.
- Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế.
- Cảng thông quan nội địa.
- Kinh doanh xăng dầu.

▪ **Dịch vụ kho:**

- Với hệ thống kho có diện tích lớn tại các khu vực quận 4, 7, 9, Bình Chánh, Thủ Đức và các tỉnh lân cận như Bình Dương, Long An...
 - Kho ngoại quan 3.000 m²
 - Các kho hợp tác kinh doanh tại TP. HCM, Bình Dương, Phú Mỹ: 70.000 m²
 - Cảng tại Thủ Đức: cầu cảng dài 400m
- Quận 4: Kho Bến Súc 5.000 m²
- Quận 7: Kho Viconship 4.400 m²
- Quận 9: Kho Phước Long 15.000 m²
- Thủ Đức: Kho, bãi cảng Thủ Đức 10.000 m²
- Kho, bãi Cảng Sotrans ICD 75.000 m²

- Hệ thống kho bãi nằm gần trung tâm TP.HCM, các khu công nghiệp, khu chế xuất, gần điểm giao nối giữa các tuyến đường quan trọng: đại lộ Đông Tây nối liền tới khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đại lộ Xuyên Á nối liền với các quốc gia Đông Nam Á.
- Nằm trên hệ thống đường quốc lộ, khu vực ven TP.HCM, thuận tiện cho việc xuất, nhập hàng hóa, không bị cấm tải trong giờ cao điểm.
- Nằm tiếp giáp với một nhánh sông Sài Gòn, thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu bằng đường sông.
- Tọa lạc gần trung tâm công nghiệp thương mại TP.HCM – Bình Dương – Đồng Nai. SOTRANS đã kết hợp giữa lợi thế vị trí thuận lợi cùng kinh nghiệm tích lũy trong nhiều năm qua nhằm mang đến cho khách hàng sự hài lòng cao nhất và xây dựng SOTRANS trở thành một nhà cung ứng dịch vụ chuỗi cung ứng logistics hàng đầu.
- Năm 2013, Sotrans triển khai hệ thống kho tại Long Bình – Đồng Nai, đây là khu vực tập trung nhiều khu công nghiệp, là điểm tiếp nối giữa Tp.HCM, Bình Dương, Đồng Nai đến hệ thống cảng nước sâu Cái Mép Thị Vải.



▪ **Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế:**

SOTRANS có hệ thống đại lý quốc tế tại nhiều nước trên thế giới. Hiện nay hệ thống đại lý của SOTRANS có mặt trên 70 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Asia + Australia: Australia, Banglades, Brunei, Cambodia, China, India, Indonesia, Japan, Korea, Malaysia, Myamar, New Zealand, Pakistan, Singapore, Srilanka, Phillipin, Thailand, Taiwan, Russia.

Euro & Mediterranean: Belgium, Szech Republic, Denmark, Egypt, finland, France, Germany, Greece, Hungary, Israel, Italy, Libia, Maldives, Malta, Netherland, Poland, Rumani, Slovakia, Spain, Turkey, Ukraina, United Kingdom.

America, Afica & Middle East: Algeria, Angola, Arab Saudi, Argentina, Bahrain, Benin, Brasil, Canada, Cameroon, Chile, Columbia, Costarica, Ecuador, Elsanvador, Ghana, Israel. Jordan, Kenya, Kuwait, Lebanon, Liberia, Madagasca, Marocco, Mexico, Mozambique, Nicaragua, Nigeria, Oman, Panama, Peru, Qatar, Senegal, South Afica, Sudan, Syria, Tanzania, Togo, Trinidad & Tobago, UAE, Uruguay, USA, Venezuela, Yemen.

- Kết hợp một cách hợp lý giữa nhiều phương thức vận tải với nhau giúp khách hàng tiết kiệm được rất nhiều chi phí mà vẫn bảo đảm được thời gian giao hàng đúng hẹn.
- Sotrans có tất cả các dịch vụ để có thể cung cấp đến khách hàng trọn gói về chuỗi cung ứng dịch vụ logistics.
- Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và có kinh nghiệm hơn 30 năm trong lĩnh vực đại lý giao nhận vận tải quốc tế.
- SOTRANS là đại lý hải quan mẫu đầu tiên của Việt Nam, SOTRANS có thể đại diện khách hàng ký và đóng dấu vào tờ khai hải quan, giúp khách hàng tiết kiệm được thời gian, chi phí đồng thời khẳng định trách nhiệm của SOTRANS trước khách hàng.
- Sotrans cung cấp dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, với chuỗi các dịch vụ logistics từ khâu nhận hàng, tổ chức đóng gói, lưu kho, thuê phương tiện vận tải, thủ tục hải quan... và giao hàng đến điểm cuối (thường là kho, nhà máy hoặc công trường) theo chỉ định của chủ hàng.
- Các dịch vụ Giao nhận Vận tải Quốc tế

▪ **Dịch vụ cảng thông quan nội địa:**

- Cảng Kho Vận - Sotrans ICD chính thức đi vào hoạt động từ vào năm 2010. Vị trí cảng thuận lợi, dây chuyền công nghệ cao, dịch vụ trọn gói đảm bảo đáp ứng hoàn chỉnh nhu cầu vận chuyển cho các Chủ tàu, các Cảng, các công ty xuất nhập khẩu, các công ty Thương mại và dịch vụ...
- Với diện tích khai thác khoảng 9,4 ha (94.000 m²) với số tiền đầu tư ban đầu 50 tỷ đồng, vị trí khai thác chiến lược giúp kết nối các hoạt động logistics liên tục 24h/7 ngày.



Các dịch vụ tại Sotrans ICD:

- Điểm thông quan nội địa.
- Nâng, hạ container.
- Đóng rút hàng tại bãi.
- Kho ngoại quan
- Bãi chứa container có hàng, rỗng và lạnh.
- Dịch vụ xếp dỡ container.
- Vận chuyển hàng công trình, siêu trường, siêu trọng.
- Lắp đặt thiết bị.
- Thủ tục hải quan.
- Kho đóng hàng lẻ.
- Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Làm bao bì, đóng gói chân không và kê ký mã hiệu hàng hóa.
- Sửa chữa và vệ sinh container.
- Vận chuyển hàng nội địa.
- Hoạt động liên tục 24 giờ/ 7 ngày.

▪ **Kinh doanh Xăng Dầu:**

- Công ty là đại lý phân phối xăng và dầu DO cho Saigon Petro và Công ty CP Thương Mại & Dịch vụ Cần Giờ. Ngành kinh doanh xăng dầu của Sotrans có lợi thế về chất lượng ổn định, giá thành cạnh tranh và dịch vụ tốt
- Trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, Sotrans khai thác tốt các khách hàng là các doanh nghiệp tại khu

vực Thủ Đức như Xi măng Hà Tiên, Nhiệt điện Thủ Đức, Thép Thủ Đức, Germadept..



1.3.1 **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

▪ **Mục tiêu tăng trưởng:**

Tăng trưởng từ 10-15% hàng năm trong điều kiện tình hình kinh tế ổn định. Khi có biến động mạnh tác động đến ngành nghề kinh doanh như năm vừa qua, Sotrans phấn đấu ổn định doanh thu bán hàng qua các năm.

▪ **Mục tiêu lợi nhuận:**

- Tăng trưởng lợi nhuận 5-10% mỗi năm tùy tình hình.
- Đảm bảo cổ tức cho cổ đông: 18 - 20% mỗi năm.

▪ **Mục tiêu thương hiệu:**

- Thương hiệu Sotrans là một trong những thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực logistics.

▪ **Mục tiêu xã hội:**

- Tạo môi trường làm việc văn minh, chuyên nghiệp.
- Đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Chăm lo đời sống, sức khỏe của người lao động.
- Tham gia bảo vệ môi trường, công tác xã hội phù hợp với hoạt động của công ty.
- Không ngừng phát triển và mở rộng hệ thống, tạo nhiều việc làm, góp phần đảm bảo an sinh xã hội

1.3.2 **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- **Mục tiêu sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2012 – 2014:**

Bảng 1: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2011 – 2014

Chỉ tiêu	2012		2013		2014	
	Triệu đồng	% (+/-) so với 2011	Triệu đồng	% (+/-) so với 2012	Triệu đồng	% (+/-) so với 2013
Vốn điều lệ	83,518	-	83,518	-	83,518	-
Doanh thu thuần	607,333	-12,337	661,257	53,924	653,000	-8,257
Lợi nhuận sau thuế	24,800	775	24,061	-739	25,350	314
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4.08%	0.21%	3.64%	-0.44%	3.88%	0.24%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	29.69%	0.94%	28.81%	-0.88%	30.35%	1.54%
Cổ tức/Vốn điều lệ	20%		20%		20%	

- **Mục tiêu tăng trưởng thông qua đầu tư:**

Đầu tư hệ thống kho:

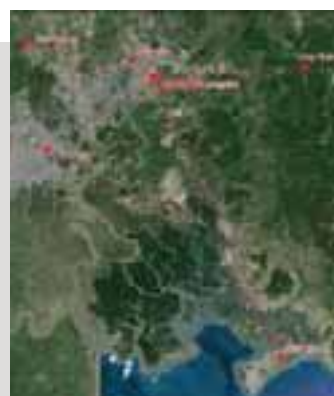
- Đối với hệ thống Kho Sotrans sẽ đầu tư từng bước với các kho thông thường và kho có kệ chứa hàng có diện tích vừa phải từ 5.000 – 20.000m² theo từng giai đoạn để đảm bảo hình thành mô hình kinh doanh chuẩn về các nhà kho. Sau khi đạt được doanh thu và lợi nhuận ổn định sẽ nhân rộng mô hình ra toàn quốc căn cứ theo Quy hoạch phát triển Cảng biển đến 2020 và trên cơ sở nghiên cứu thị trường về nhu cầu sử dụng kho ở các khu vực.
- Hiện Sotrans đã lập phương án đầu tư xây dựng Kho Sotrans Long Bình tại Biên Hòa, Đồng Nai với tổng diện tích khu vực là 22.000m².
- Song song với việc lập kế hoạch phát triển kho bãi, Sotrans sẽ tập trung tìm kiếm cơ hội, đất đai phù hợp tại khu vực Thủ Đức, Quận 2 TP. HCM để chuẩn bị cho kế hoạch di dời các kho bãi hiện hữu theo qui hoạch tại khu vực Km 9 Xa lộ Hà Nội và khu vực Quận 4.

Đầu tư quỹ đất hệ thống ICD:

- Trong thời gian tới nhằm tiếp tục phát triển hoạt động ICD, phương án dịch chuyển sang khu vực phù hợp khác như Cát Lái, Đồng Nai cần được xem xét. Khu vực Cát Lái có lợi thế hơn về cự li đến khác khu công nghiệp và đảm bảo được hiệu quả của khu vực trung tâm logistics.
- Các khu vực khác được xem xét là khu vực Đồng Nai, tiếp giáp sông Đồng Nai dưới hình thức liên kết với các đối tác khác phát triển ICD.

Đầu tư phát triển Công nghệ thông tin:

- Tập trung đẩy mạnh công tác nghiên cứu & ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh và tăng năng suất lao động.





Phần 2 BÀI CÀO CỦA HỘI NÔNG QUÂN TRÒ

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM

Số : 009/BC - HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 17 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2013

Thực hiện Luật Doanh Nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 29/11/2005 và Điều 25 Chương VIII Điều Lệ Công ty CP Kho Vận Miền Nam đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 19/04/2012; Nghị quyết số 086/NQ-HĐQT ngày 25/04/2013 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013; Nghị quyết số 101/NQ-HĐQT ngày 19/08/2013 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản; Hội đồng quản trị báo cáo hoạt động năm 2013 cụ thể như sau:

1. Cơ cấu HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam năm 2013 gồm:

- Bà Đoàn Thị Đông - Chủ tịch
- Ông Trần Quyết Thắng - Thành viên HĐQT
- Ông Lê Việt Thành - Thành viên HĐQT
- Ông Đặng Vũ Thành - Thành viên HĐQT
- Ông Trần Mạnh Đức - Thành viên HĐQT
- Ông Đinh Quang Hoàn - Thành viên HĐQT

2. Các cuộc họp của HĐQT:

- HĐQT tổ chức họp 4 phiên thường kỳ và 2 lần lấy phiếu biểu quyết bằng hình thức gửi văn bản, qua email.
- Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo các thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự.
- HĐQT đã trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tại các kỳ Đại hội. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt tờ trình của Tổng Giám Đốc và nghe Tổng Giám Đốc báo cáo, giải trình kế hoạch SXKD của Công ty. Các cuộc họp của HĐQT đều có Tổng Giám đốc tham dự.
- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban điều hành được thực hiện thông qua việc HĐQT chất vấn Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý điều hành về kết quả hoạt động trong kỳ tại các phiên họp định kỳ và khi đến làm việc với các đơn vị.

3. Các biên bản nghị quyết HĐQT:

Tất cả các cuộc họp HĐQT đều ghi biên bản đầy đủ và được HĐQT thông qua. Trong năm 2013, HĐQT đã ban hành 6 Nghị quyết. Ngoài các Nghị quyết về công tác thường kỳ đã được thông qua như: báo cáo tài chính quý, 6 tháng và hàng năm. HĐQT còn ban hành 1 số nghị quyết sau:

- 3.1. Tái bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Trần Mạnh Đức. Kéo dài thời hạn giữ chức Kế toán trưởng của Ông Trương Văn Thuận đến hết ngày 30/06/2013.
- 3.2. Chỉ đạo Ban điều hành nghiên cứu Chiến lược phát triển 2012 - 2016 trình ĐHĐCĐ năm 2013 thông qua.
- 3.3. Được sự thông qua của ĐHĐCĐ về việc thành lập Công ty con để triển khai các dự án bất động sản, HĐQT giao Ban điều hành làm thủ tục xúc tiến thành lập Công ty.

- 3.4. Bổ nhiệm Ông Đặng Vũ Thành (nắm giữ 31% vốn góp), Ông Trần Văn Đức (nắm giữ 20% vốn góp) là người đại diện theo ủy quyền của SOTRANS nắm giữ phần vốn góp trong Công ty TNHH Hai Thành viên Bất động sản SORECO.
- 3.5. Quyết định đầu tư dự án kho Long Bình, giao cho Ban điều hành triển khai thực hiện.
- 3.6. Bổ nhiệm Ông Phạm Tường Minh làm Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 01/07/2013.
- 3.7. Thống nhất chủ trương nghiên cứu dự án Cát Lái, giao ban điều hành lập kế hoạch chi tiết trình HĐQT xem xét.
- 3.8. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế: Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm cán bộ; Quy chế quản trị Công ty; Quy chế thi đua khen thưởng; Quy chế tuyển dụng của Công ty Cổ Phần Kho Vận Miền Nam.
- 3.9. Thông qua việc thành lập văn phòng đại diện tại Móng Cái của Công ty Cổ Phần Kho Vận Miền Nam.

• **Công tác tài chính:**

- 3.10. Phê duyệt việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM với hạn mức tín dụng 70 tỷ đồng.
- 3.11. Phê duyệt báo cáo kiểm toán 6 tháng và năm 2013 đúng pháp luật và chuẩn mực kế toán.
- 3.12. Yêu cầu ban điều hành xem xét kiểm soát chặt chẽ chi phí, kiểm soát công nợ, xây dựng định mức và tiêu chí cụ thể về công nợ. Về tiền thuê đất, chỉ đạo ban điều hành phải thuê luật sư, chủ động phối hợp với các hiệp hội,... xây dựng phương án cụ thể, đề xuất hướng giải quyết, lập tờ trình chi tiết trình HĐQT.
- 3.13. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2013 là công ty TNHH Deloitte Việt Nam theo Biên bản số 187/KVMN-KTTC ngày 10/06/2013.
- 3.14. Tiến hành chi trả cổ tức đợt 2 năm 2012 là 8%, chi trả cổ tức đợt 1 năm 2013 là 8% bằng tiền mặt đúng quy định và thời gian, trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ công ty đồng thời giám sát thực hiện đúng pháp luật, quy chế công ty.

4. Giao dịch của thành viên HĐQT và người có liên quan:

Công ty không cấp bất kỳ khoản vay, bảo lãnh tín dụng nào cho các thành viên HĐQT hay người có liên quan của họ.

5. Thực hiện trách nhiệm với cổ đông:

- Chỉ đạo công bố đầy đủ thông tin đến Cổ đông, tổ chức, cá nhân đầu tư.
- Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền trong các kỳ đại hội, bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- Chỉ đạo, giám sát, điều hành của Tổng Giám đốc, bảo đảm thực hiện đúng pháp luật, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT.
- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo đúng pháp luật và điều lệ công ty.

6. Kết luận:

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013, trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn, Công ty CP Kho vận Miền Nam đã nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh, triển khai những giải pháp, yêu cầu của HĐQT đã đề ra; đồng thời, tích cực tìm kiếm các cơ hội hợp tác đầu tư mới. Những kết quả này khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, phù hợp, hiệu quả của các giải pháp đã được HĐQT và Ban điều hành đặt ra, đồng thời thể hiện sự cố gắng, quyết tâm cao của các đơn vị trực thuộc, cán bộ lãnh đạo, nhân viên trong toàn Công ty.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2013. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý vị cổ đông, đặc biệt chỉ ra những hạn chế yếu kém trong công tác quản lý công ty và giám sát Ban điều hành. Ý kiến của Quý vị là sự hợp tác không thể thiếu để giúp cho HĐQT hoạt động tốt hơn trong những năm tới.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT-TK.





Phần 3 BÀI CÀO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 360/KVMN

TP. HCM, ngày 23 tháng 12 năm 2013

V/v: Báo cáo hoạt động SXKD năm 2013 và kế hoạch năm 2014.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2014

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ:

1.1. Tình hình kinh tế thế giới:

- Theo đánh giá chung của các tổ chức WB và IMF, nền kinh tế toàn cầu các năm 2013-2017 tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro: khủng hoảng khu vực đồng Euro, căng thẳng tài khóa và nợ công của Mỹ, tăng giá sức mua hàng đầu và thực phẩm, bất ổn tài chính... Kinh tế toàn cầu giai đoạn 2013-2017 được dự báo tăng trưởng chậm lại, trong đó có khu vực châu Á (vào T8/2013 các nước Trung quốc, Ấn độ, Indonesia, Thái lan đều hạ mục tiêu tăng trưởng kinh tế). Cũng theo nhận định của các tổ chức trên, rủi ro đang dịch chuyển về phía các nền kinh tế nổi nôi, bao gồm cả khu vực Đông Á.
- Tại khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2013-2015, theo dự báo của WB, ANZ và OECD, nền Kinh tế Việt nam sẽ có mức tăng trưởng trung bình đạt khoảng 5,4 %. Mức này cao hơn Thái lan (5,1%) và Malaysia (5,1%), nhưng thấp hơn các quốc gia còn lại.
- Thế giới đang trong thời kỳ “chuyển đổi” với nhiều rủi ro, đồng thời có nhiều cơ hội cho giai đoạn phát triển mới.

1.2. Các chỉ tiêu Kinh tế vĩ mô năm 2013:

Một số chỉ tiêu chủ yếu 11 tháng đầu năm 2013 (tăng/giảm) so với cùng kỳ năm 2012 (%)

1	Chỉ số sản xuất công nghiệp	+5,6
2	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	+12,6
3	Tổng kim ngạch xuất khẩu	+16,2
4	Tổng kim ngạch nhập khẩu	+16,5
5	Vốn đầu tư ngân sách nhà nước thực hiện so với kế hoạch năm	99,2
6	Chỉ số giá tiêu dùng 10 tháng đầu năm 2013 so với cùng kỳ năm 2012	+6,65

II. TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU:

Tính chung 11 tháng, nhập siêu 96 triệu USD, bằng 0,1% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 12,3 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 12,2 tỷ USD.

2.1. Xuất khẩu:

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu 11 tháng ước tính đạt 121 tỷ USD, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Khu vực kinh tế trong nước đạt 39,9 tỷ USD, tăng 3,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả đầu thô) đạt 81,2 tỷ USD, tăng cao ở mức 23,5%.

Trong các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu mười một tháng năm nay, một số mặt hàng có kim ngạch tăng cao so với cùng kỳ năm trước là: Điện thoại các loại và linh kiện đạt 20,2 tỷ USD, tăng 78,4%; hàng dệt, may đạt 16,4 tỷ USD, tăng 19,7%; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 9,9 tỷ USD, tăng 41,6%; giày dép đạt 7,4 tỷ USD, tăng 14,2%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 4,9 tỷ USD, tăng 15,8%; túi xách, ví, va li, mũ, ô dù đạt 1,7 tỷ USD, tăng 26,6%; sản phẩm từ chất dẻo đạt 1,6 tỷ USD, tăng 13,2%; rau quả đạt 0,9 tỷ USD, tăng 24,2%. Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng khá là: Thủy sản đạt 6,1 tỷ USD, tăng 9,6%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 4,6 tỷ USD, tăng 7,9%; sắt thép đạt 1,6 tỷ USD, tăng 10,4%; hạt điều đạt 1,5 tỷ USD, tăng 10,9%. Kim ngạch xuất khẩu dầu thô, gạo, cao su, than đá và xăng dầu giảm so với cùng kỳ năm 2012, trong đó dầu thô đạt 6,6 tỷ USD, giảm 14,4%; gạo đạt 2,8 tỷ USD, giảm 18,8%; cao su đạt 2,2 tỷ USD, giảm 13,4%; xăng dầu đạt 1,1 tỷ USD, giảm 34,9%.

Kim ngạch xuất khẩu tăng trong năm 2013 nhưng chủ yếu do nhóm hàng công nghệ cao từ các doanh nghiệp nước ngoài như Samsung và hàng dệt may. Thị phần vận chuyển cho nhóm này chủ yếu thuộc về các công ty đa quốc gia do họ đã đầu thầu quốc tế, các doanh nghiệp Việt Nam khó có thể tham gia dịch vụ trong nhóm này. Mặt hàng dệt may chủ yếu là hàng gia công nên việc chỉ định đơn vị vận chuyển cũng do phía người mua đảm nhận và đầu thầu quốc tế. Về nhập khẩu chủ yếu nhập máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu phục vụ cho việc sản xuất hàng công nghệ cao và dệt may. Xuất nhập khẩu đã tăng trở lại nhưng chưa thật sự có cơ hội cho các doanh nghiệp logistics trong nước. Bên cạnh đó, kim ngạch tăng chủ yếu do giá cả tăng, còn sản lượng vận chuyển toàn cầu giảm (xem thêm mục 3.1).

2.2. Nhập khẩu:

- Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu 11 tháng đạt 121,1 tỷ USD, tăng 16,5% so với cùng kỳ năm 2012, bao gồm: Khu vực kinh tế trong nước đạt 52,2 tỷ USD, tăng 6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 68,9 tỷ USD, tăng 26%.
- Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu mười một tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước là: Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng đạt 17 tỷ USD, tăng 15,6%; Điện tử máy tính và linh kiện đạt 16,5 tỷ USD, tăng 38,8%; vải đạt 7,7 tỷ USD, tăng 19,1%; điện thoại các loại và linh kiện đạt 7,6 tỷ USD, tăng 70,7%; chất dẻo đạt 5,2 tỷ USD, tăng 19%; thức ăn gia súc và nguyên phụ liệu đạt 2,8 tỷ USD, tăng 27,2%. Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu mười một tháng tăng thấp hoặc giảm là: Sợi dệt đạt 1,4 tỷ USD, tăng 8,1%; sản phẩm khác từ dầu mỏ đạt 0,8 tỷ USD, tăng 8,6%; xăng dầu đạt 6,4 tỷ USD, giảm 24,1%; cao su đạt 621 triệu USD, giảm 15,8%; dầu mỡ động thực vật đạt 620 triệu USD, giảm 10,4%; xe máy đạt 427 triệu USD, giảm 24,7%.

III. TÌNH HÌNH NGÀNH LOGISTICS NĂM 2013:

3.1. Tình hình chung:

- Vận tải hàng hóa 11 tháng ước tính đạt 920,1 triệu tấn, tăng 4,7% và 188,2 tỷ tấn.km, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm trước bao gồm:
- Vận tải trong nước đạt 892,1 triệu tấn, tăng 5,1% và 82,8 tỷ tấn.km, tăng 4,9%;
- Vận tải ngoài nước đạt 27,9 triệu tấn, giảm 5,9% và 105,4 tỷ tấn.km, giảm 5%.
- Vận tải hàng hoá địa phương 11 tháng đạt 871,1 triệu tấn, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước và 82,9 tỷ tấn.km, tăng 5,9%.
- Vận tải hàng hoá đường bộ đạt 696,2 triệu tấn, tăng 5,3% và 42,3 tỷ tấn.km, tăng 5,7%; đường sông đạt 164,4 triệu tấn, tăng 6,6% và 35,7 tỷ tấn.km, tăng 5,3%; đường biển đạt 53,4 triệu tấn, giảm 5,9% và 106,4 tỷ tấn.km, giảm 4,9%; đường sắt đạt 5,9 triệu tấn, giảm 6,7% và 3,4 tỷ tấn.km, giảm 6,3%.

Nhận xét: Tình hình Vận tải nhìn chung trong năm 2013 tăng không đáng kể. Sản lượng vận tải các tuyến quốc tế giảm khoảng 5% và chủ yếu là vận tải đường biển. Điều đó tác động mạnh đến ngành nghề vận tải quốc tế của Công ty.

3.2. Các doanh nghiệp cùng ngành (Số liệu 09 tháng 2013):

▪ Công ty CP Transimex Saigon:

- Doanh thu đạt 105%. Lợi nhuận đạt 99% so với năm 2012.

▪ Công ty CP Giao nhận vận tải và Thương mại (Vinalink):

- Doanh thu đạt 133%. Lợi nhuận đạt 104%.

▪ **Công ty CP Gemadept (Gemadept):**

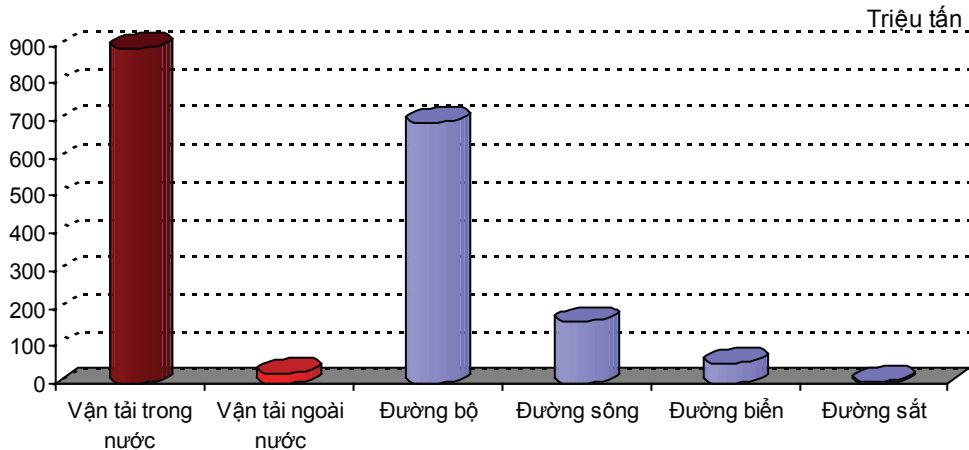
- Doanh thu đạt 94%. Lợi nhuận đạt 178%.

▪ **Công ty CP Giao nhận vận tải và Thương mại (Vinatrans):**

- Doanh thu đạt 124%. Lợi nhuận đạt 105%.

▪ **CTCP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (Tân Cảng Logistics):**

- Doanh thu đạt 94%. Lợi nhuận đạt 120%.



Nhận xét: Các công ty trong ngành có doanh thu tăng, lợi nhuận có tăng và có giảm. Một số Công ty lợi nhuận tăng vượt bậc do hoàn nhập dự phòng tài chính mang lại. Sotrans trong thời gian 9 tháng đầu năm doanh thu đạt 108% và lợi nhuận đạt 102% so với cùng kỳ.

3.3. Thuận lợi & Cơ hội:

- Tình hình chính trị, xã hội tại Việt Nam tương đối ổn định; Bất ổn trong tranh chấp lãnh thổ tại khu vực châu Á Thái Bình Dương đặc biệt là căng thẳng trong tranh chấp lãnh thổ giữa Trung Quốc và Nhật Bản làm một số công ty lớn tại Nhật Bản chuyển đầu tư ra khỏi Trung Quốc, chọn một số nước khác để đầu tư trong đó có Việt Nam.
- Nền kinh tế thế giới vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi, hiện tượng thiếu phát cao so cùng kỳ; lãi suất vay vốn giảm, chi phí đầu vào giảm, sức mua giảm, mức độ cạnh tranh cao... làm cho rất nhiều công ty nhỏ, vừa thậm chí các công ty lớn ở Việt Nam và trên toàn cầu trong đó có các công ty giao nhận, hãng tàu, hãng hàng không gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh... Nguy cơ phá sản, vỡ nợ rất cao đối với các công ty không có lợi thế cạnh tranh nổi bật. Đây có thể xem là cơ hội tốt cho các công ty có tiềm lực, có hệ thống và cơ sở hạ tầng tốt, các công ty này sẽ có cơ hội phát triển và chiếm lĩnh thị trường.
- Cùng với việc tham gia rộng hơn vào nền kinh tế toàn cầu thông qua Khu vực tự do thương mại ASEAN, Hiệp định đối tác xuyên Thái bình dương TPP... giai đoạn 2013-2015 mở ra cho Việt nam nhiều khả năng phát triển mới.

3.4. Khó khăn & thách thức:

- Khủng hoảng kinh tế thế giới chưa có dấu hiệu phục hồi rõ ràng. Sức tiêu thụ toàn cầu chưa có dấu hiệu phục hồi. Nhu cầu giao thương từ thị trường Châu Âu, Nhật Bản và Mỹ vẫn còn yếu. Nguy cơ vỡ nợ dây chuyền tại các nước EU vẫn rất cao. Trong khi đó, các quốc gia trên thế giới vẫn chỉ mới bắt đầu vào việc ổn định kinh tế vào cuối năm 2012. Hầu hết các doanh nghiệp sản xuất & xuất khẩu của Việt Nam trong ngành có thể mạnh như may mặc, giày da, gỗ... đều gặp khó khăn như chi phí đầu vào tăng, giá đầu ra giảm dẫn đến lợi nhuận giảm, thu hẹp sản xuất, khó tiếp cận vốn... Tình hình kinh tế khó khăn dẫn đến yêu cầu cắt giảm chi phí của các công ty sản xuất, công ty xuất nhập khẩu khiến cho cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị cung cấp dịch vụ logistics, giao nhận hàng hóa.

- Thời điểm mở cửa đã gần kề, áp lực trước thời điểm mở cửa hoàn toàn của ngành logistics vào năm 2014 đặt ra thách thức về cạnh tranh và chất lượng dịch vụ của các doanh nghiệp. Thiếu đầu tư hoặc đầu tư không có chiều sâu có thể dẫn đến việc thất bại ngay trên sân nhà ngay cả khi có nắm giữ lợi thế về cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên hầu hết các doanh nghiệp nước ngoài lớn đều đã có mặt tại Việt Nam.
- Sức mua giảm, sản xuất giảm, lượng hàng tồn kho cao không chỉ ở Việt Nam mà khắp nơi trên toàn cầu. Tình hình cạnh tranh gay gắt của các Forwarder, hãng tàu, hãng hàng không để tồn tại do nhu cầu xuất và nhập hàng giảm.
- Hầu hết các doanh nghiệp may mặc, da giày, gỗ... tại Việt Nam đều gặp khó khăn do nhu cầu nhập khẩu tại US, EU giảm.
- Theo thống kê của Cục đăng ký kinh doanh, năm 2013 có trên 50,000 doanh nghiệp Việt Nam đóng cửa ngưng sản xuất (so với năm 2012 là gần 50,000), rất nhiều doanh nghiệp thu hẹp phạm vi kinh doanh, các địa phương hầu hết đều lâm vào tình trạng không hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách. Đây cũng là một yếu tố cho thấy mức độ khó khăn của nền kinh tế Việt nam nói chung và ngành logistics nói riêng trong năm 2013.

IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013:

4.1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2013	So cùng kỳ năm 2012	So kế hoạch năm 2013
Doanh thu	661,257	108.9%	114.4%
Lợi nhuận trước thuế	31,817	96.9%	90.9%
Thu nhập bình quân 1 lao động (tr.đồng /tháng)	10.9	104,2%	100,1%

4.2. Thực hiện SXKD năm 2013 từng đơn vị:

TT	Đơn vị	Doanh thu (tr. VND)			Lợi nhuận nộp (tr. VND)		
		Thực hiện 2013	So cùng kỳ 2012	So kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	So cùng kỳ 2012	So KH 2013
1	XN ĐL GNVN Quốc Tế	90,326	119.56%	120.43%	4,810	105.90%	109.32%
2	XN DV Giao Nhận	155,931	94.80%	103.95%	17,541	114.76%	100.81%
3	XN DV Kho Bãi Cảng	27,352	52.22%	65.12%	8,062	76.87%	73.29%
4	XN GNVNQT Tiêu Điểm	119,805	177.66%	210.18%	2,990	119.50%	103.10%
5	Cảng Kho Vận	68,713	101.79%	95.43%	14,771	108.50%	102.58%
6	Chi nhánh Hà Nội	34,879	141.30%	134.15%	1,315	241.28%	101.15%
7	XN Vật Tư Xăng Dầu	175,908	99.81%	98.82%	4,160	133.59%	115.56%

4.3. Những mặt làm được:

1. Ổn định hoạt động kinh doanh:

Sau thời gian tái cấu trúc và sắp xếp lại, trong năm 2013 Công ty đã ổn định kinh doanh các ngành nghề chính như Kho bãi, Vận tải quốc tế, Cảng thông quan nội địa, Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.

2. Xây dựng định hướng chiến lược rõ ràng:

- Chuẩn bị cho việc di dời các khu đất và chuyển đổi tại các khu đất Quận 4, Quận Thủ Đức, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty bất động sản để triển khai đúng định hướng các hoạt động về đất đai.
- Định hướng phát triển kinh doanh thông qua đầu tư mới, liên doanh liên kết với các doanh nghiệp phát triển năng lực lõi.
- Tìm kiếm các quỹ đất phù hợp cho việc di dời và phát triển dịch vụ Logistics.
- Ưu tiên đầu tư phát triển nguồn nhân lực và gia tăng mức độ ứng dụng công nghệ tiên tiến.

3. Triển khai tốt các dự án:

- Dự án Kho Sotrans Long Bình đã được triển khai theo tiến độ, hiện đã hoàn tất hợp đồng với đối tác, đang triển khai thủ tục xin giấy phép, thiết kế xây dựng và chuẩn bị đấu thầu.
- Đàm phán sâu rộng với các tập đoàn nước ngoài để tiến đến thành lập liên doanh trong khoảng Quý 2 năm 2014.
- Tiếp tục đẩy mạnh Dự án Cát Lái, đàm phán với đối tác. Hiện đang thảo luận chi tiết về Hợp đồng giữa các bên. Đây là một Dự án lớn vừa đảm bảo được quỹ đất cho Công ty trong quá trình chuyển đổi khu đất Quận 4, Quận Thủ Đức vừa chiếm lĩnh các vị trí then chốt trong hoạt động logistics. Do quy mô lớn nên Dự án này được báo cáo riêng biệt.
- Tái thành lập chi nhánh Hải Phòng, thành lập văn phòng đại diện tại Móng Cái.
- Triển khai dịch vụ gom hàng LCL nhập từ Trung Quốc, xuất đi Singapore.

4. Quản lý rủi ro:

- Đã triển khai và tiếp tục xây dựng hệ thống Quy trình cung cấp dịch vụ, Quy trình quản lý.
- Triển khai đánh giá và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn trong kinh doanh Kho bãi.

5. Quản lý tài chính, chi phí, công nợ:

Năm 2013 công ty quản lý tốt công nợ, chi phí, dòng tiền. Không phát sinh công nợ xấu, xử lý được một số công nợ dầy dụa trong giai đoạn trước. Quy trình quản lý kế toán tiếp tục được cải tiến.

6. Sửa đổi các Quy chế:

Kịp thời sửa đổi, bổ sung một số qui chế nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh phù hợp với tình hình mới.

7. Tổ chức tốt các hoạt động nội bộ:

Trong năm Công ty đã xây dựng và tổ chức tốt các hoạt động nội bộ nhằm thúc đẩy tinh thần làm việc trong toàn Công ty: Hội thi Kho hàng, Hội nghị Sales & Marketing 2013, Hội thao Sotrans 2013, Bản tin điện tử, các phong trào thể thao như giải Bóng đá, Tennis...

4.4. Những mặt chưa làm được:

Công tác nhân sự và đào tạo nguồn nhân lực chưa đáp ứng cho nhu cầu phát triển trong tương lai của công ty: Công tác này đã đặt ra mục tiêu trong chiến lược phát triển dài hạn của công ty nhưng trong năm 2013 chưa được triển khai đúng kế hoạch. Công ty đã có những điều chỉnh để sang năm 2014 phải thực hiện tốt công tác này.

4.5. Hoạt động các ngành nghề kinh doanh:

▪ **Vận tải quốc tế:**

Doanh thu tăng trưởng mạnh ở mảng vận chuyển hàng không, Doanh thu ngành nghề vận tải quốc tế đạt 146,1%, lợi nhuận đạt 120,1% so với cùng kỳ.

○ Vận chuyển hàng không:

- Doanh thu tăng trưởng tốt so cùng kỳ trong tình hình nền kinh tế Việt Nam, môi trường kinh doanh của ngành còn gặp nhiều khó khăn.
- Năng suất và sản lượng tăng trưởng khá cao so cùng kỳ.
- Duy trì và phát triển được tỷ suất lợi nhuận trên vốn cao trong tình hình khó khăn chung của nền kinh tế và mức độ cạnh tranh gay gắt giữa các công ty giao nhận.
- Phát triển được khách hàng lớn, có lượng hàng đều và ổn định.
- Phát triển được một số đại lý mới có giá cả cạnh tranh, có hàng chỉ định kể cả sea và air.

○ Vận chuyển đường biển:

- Phát triển mạnh lượng hàng freehand.
- Duy trì được hệ thống đại lý ổn định tại các khu vực trên thế giới. Tiếp tục phát triển các đại lý mới.
- Xây dựng và phát triển mảng dịch vụ Console. Đến nay Dịch vụ hàng LCL consol đi Singapore và nhập từ Trung Quốc do Sotrans khai thác trực tiếp đã được nhiều khách hàng biết tới, volume đều trên 24 cbm/20' dc, từng bước đem lại lợi nhuận.

▪ **Hoạt động Giao nhận nội địa:**

- Doanh thu chỉ đạt 89,7% nhưng lợi nhuận đạt 157% so với cùng kỳ.
- Tổ chức chuyên môn hóa bộ phận giao nhận để tăng năng suất, tăng cường quản lý, có chính sách chi đạo kịp thời.
- Phát triển thị phần ở Móng cái. Trong 10 tháng đạt doanh thu: 19,5 tỉ lợi nhuận gộp: 1,9 tỉ.
- Tổ chức khảo sát tuyến Campuchia, bước đầu cử cán bộ sang Phnompenh làm việc với các nhà cung cấp đạt được sự hợp tác nhất định.
- Khách hàng thu hẹp sản xuất do chính sách đóng thuế ngay bãi bỏ ân hạn thuế 30 ngày. Giảm thị phần do chính sách sử dụng đồng thời nhiều dịch vụ của chủ hàng. Chủ hàng chỉ định các công ty có tính toàn cầu như DHL, TNT... cho dù giá dịch vụ của Sotrans tốt hơn, chất lượng phục vụ tốt hơn.
- Tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn và trao đổi kinh nghiệm tại Cty.

▪ **Hoạt động Kinh doanh Kho bãi:**

- Doanh thu đạt 76,8% và lợi nhuận đạt 84,98% so với cùng kỳ.
- Diện tích khai thác đang dần bị thu hẹp tại thị trường chiến lược như Phú Mỹ. Hệ thống kho thuê ngoài bị khách hàng gây áp lực tăng giá hoặc chuyển đổi làm nhà xưởng nên diện tích kho có nguy cơ giảm đi.
- Lượng hàng thức ăn gia súc, phần bón vẫn tiếp tục giảm trên thị trường. Cơ sở hạ tầng kho của Sotrans tiêu chuẩn thấp, không đáp ứng được yêu cầu lưu trữ của nhiều mặt hàng khiến cho việc phụ thuộc vào nhu cầu lưu trữ của một số mặt hàng không đòi hỏi nhiều như thức ăn gia súc, phân bón, xi măng, sắt, thép... Khả năng linh hoạt trong việc chuyển đổi cơ cấu hàng thấp.
- Hiện công ty đã triển khai đầu tư mới kho Sotrans Long Bình để đáp ứng nhu cầu phát triển ngành nghề kho và thu hút khách hàng khu vực Biên Hòa, Đồng Nai. Theo kế hoạch, dự án Cát Lái sẽ một phần được đầu tư để xây dựng hệ thống Kho Sotrans.

▪ **Hoạt động khai thác Cảng thông quan nội địa:**

- Doanh thu đạt 101,8%, lợi nhuận đạt 108,5% so với cùng kỳ năm trước.
- Năm 2013, Sotrans ICD tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh bền vững, nối tiếp mục tiêu chiến lược năm 2012, từng bước cải thiện quy trình khai thác, nâng cao chất lượng dịch vụ và khẳng định vai trò, vị trí trong hệ thống Cảng khu vực phía Nam nói chung, khu vực Cảng thông quan nội địa - ICD nói riêng.
- Trong công tác khai thác kinh doanh (đối ngoại): Ưu tiên đến công tác phát triển và mở rộng các mối quan hệ với đối tác như: Hãng tàu, khách hàng trực tiếp, nhà thầu phụ... Áp dụng linh hoạt nhiều biện pháp về chính sách cũng như quy trình khai thác nhằm đem lại tối đa lợi nhuận về doanh số, doanh thu..., làm tiền đề cho sự phát triển bền vững theo định hướng chung của công ty.
- Trong công tác nội bộ: Sắp xếp, bố trí, luân chuyển cán bộ vào từng vị trí phù hợp với năng lực chuyên môn, nhằm phát huy tối đa vai trò và trách nhiệm để ổn định và phát triển.
- Tiếp thu và xử lý kịp thời các thông tin phản hồi từ khách hàng, đối tác nhằm chấn chỉnh và cải thiện phương pháp, lề lối làm việc của CBCNV đơn vị.

▪ **Hoạt động Kinh doanh Xăng dầu:**

- Doanh thu năm 2013 đạt 99,81%, lãi nộp đạt 133,6% so với năm 2012.
- Năm 2013 chiết khấu hoa hồng đại lý của nhà cung cấp Saigon Petro tương đối thấp nhưng Công ty đã chủ động ký hợp đồng mua bán với nhiều nhà cung cấp khác nhau để so sánh và mua hàng với giá tốt nhất nên lãi nộp thực hiện tốt kế hoạch được giao.
- Chủ yếu bán buôn và bán lẻ thông qua Cửa hàng Thủ Đức. Tăng cường nhân lực bán hàng (bộ phận văn phòng) vào các giờ cao điểm trong ngày, cần tập trung khai thác thêm các nhà máy và lượng xe vắng lại qua Cửa hàng để nâng cao doanh thu và lợi nhuận.
- Tiếp tục khai thác thêm các khách hàng với phương thức thanh toán ngay hoặc ký quỹ bảo lãnh.

V. **KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2014:**

5.1. **Kế hoạch tổng thể:**

- Kế hoạch tổng thể gồm 2 chỉ tiêu cơ bản là doanh thu và lợi nhuận trước thuế.
- Đối với hoạt động kinh doanh hiện tại, Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận 10% so với năm 2013 (không tính Dự án Cát Lái). Bên cạnh đó, Công ty sẽ chịu một số yếu tố làm giảm lợi nhuận.
- Mục tiêu kinh doanh của Công ty trong năm 2014 như sau:
 - Doanh thu: **653 tỉ đồng.**
 - Lợi nhuận trước thuế: **32,5 tỉ đồng.**

Định hướng chính:

1. Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế 10%.
2. Phát triển các dự án chiến lược.
3. Đảm bảo nguồn nhân lực cho sự phát triển trong tương lai.
4. Đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin.

Mục tiêu năm 2014.

Doanh thu:

653 tỉ đồng.

Lợi nhuận trước thuế:

32,5 tỉ đồng.

5.2. Kế hoạch tài chính 2014 rút gọn và phân phối lợi nhuận 2013:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	TỈ LỆ	THỰC HIỆN NĂM 2013	KẾ HOẠCH NĂM 2014
1	Vốn điều lệ	Đồng		83,518,570,000	83,518,570,000
2	Tổng doanh thu	"		667,245,052,988	653,000,000,000
3	Tổng chi phí	"		635,427,967,942	620,500,000,000
Trong đó:					
3.1	Giá vốn hàng bán	"		540,714,208,287	530,000,000,000
3.2	Chi phí bán hàng	"		76,455,541,451	79,000,000,000
3.3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	"		17,622,254,843	11,500,000,000
4	Lợi nhuận trước thuế	"		31,817,085,046	32,500,000,000
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	"	25%	7,755,660,387	7,150,000,000
6	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	"		24,061,424,659	25,350,000,000
7	Phân phối lợi nhuận sau thuế	"		24,242,448,521	24,635,464,000
-Trả cổ tức:					
	+Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá	%		20	20
	+ Số tiền trả cổ tức	Đồng		16,703,714,000	16,703,714,000
	- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 5%LNST	"	5%	1,203,071,233	1,267,500,000
	- Quỹ đầu tư phát triển 10%LNST	"	10%	2,406,142,466	2,535,000,000
	- Quỹ dự phòng tài chính=3%LNST	"	3%	721,842,740	760,500,000
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi = 10%LNST	"	10%	2,406,142,466	2,535,000,000
	- Trích quỹ xã hội từ thiện	"		200,000,000	200,000,000
	- Thù lao HĐQT, BKS	"		601,535,616	633,750,000
	+ Thù lao HĐQT = 2%LNST	"	2%	481,228,493	507,000,000
	+ Thù lao BKS = 0,5%LNST	"	0.5%	120,307,123	126,750,000
	- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	"		(181,023,862)	714,536,000
8	Số lao động bình quân	Người		331	340
9	Đơn giá tiền lương được hưởng	%		59	59
10	Tổng quỹ lương được trích=(10)*(Tổng thu - chi phí trước lương)	Đồng		50,390,631,560	46,768,292,683

* Do quy mô lớn, Dự án Cát Lái được trình bày trong báo cáo riêng.

5.3. Chỉ tiêu kế hoạch từng đơn vị:

Đvt: Triệu đồng			
STT	Đơn vị	Doanh thu 2014	Lãi nộp 2014
1	XN DV Kho Vận Giao Nhận	150,000	17,600
2	Cảng Kho Vận	70,000	15,200
3	XN DV Kho bãi Cảng	30,000	8,600
4	XN ĐL GNVТ Quốc Tế	90,000	4,600
5	CN Hà Nội	30,000	1,600
6	XN GNVТ QT Tiêu Điểm	110,000	3,100
7	XN Vật Tư Xăng Dầu	173,000	4,000
Tổng cộng:		653,000	54,700

Trong năm 2014, Công ty giao đơn giá lương cho các đơn vị dựa trên mức độ hoàn thành Kế hoạch, đảm bảo khuyến khích tăng trưởng và gia tăng hiệu quả hoạt động.

5.4. Kế hoạch cụ thể từng hoạt động chức năng:

▪ **Công tác Nhân sự:**

- Xây dựng & triển khai phương pháp đánh giá hiệu quả nguồn nhân lực qua hệ thống KPI.
- Hoàn thiện chương trình đào tạo nội bộ, đẩy mạnh công tác đào tạo tại chỗ.
- Triển khai các chương trình đảm bảo & khuyến khích người lao động.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

▪ **Công tác Kế toán Tài chính:**

- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền. Xây dựng phương án tiếp tục cắt giảm chi phí.
- Kiểm soát công nợ, phòng ngừa rủi ro tài chính.
- Tìm kiếm nguồn vốn cần thiết đáp ứng cho hoạt động đầu tư của công ty.

▪ **Công tác Marketing:**

- o Chiến lược thương hiệu:
 - Tiếp tục khẳng định vị trí thương hiệu Sotrans trong giai đoạn hội nhập.
 - Xây dựng thương hiệu dựa trên nền tảng về chất lượng dịch vụ.
- o Phối hợp Sales - Marketing:
 - Phát triển hoạt động chăm sóc khách hàng, đặc biệt là nhóm khách hàng quan trọng.
- o Hoạt động Marketing nội bộ:
 - Tổ chức mạnh các chương trình Hội nghị, nâng cao kiến thức và khả năng giao tiếp trong công ty.
 - Xây dựng các chương trình tạo môi trường làm việc hứng khởi, nâng cao hiệu quả công việc.

▪ **Công tác Nghiên cứu & Phát triển:**

- Tập trung đẩy mạnh công tác nghiên cứu & ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh.

▪ **Công tác Kiểm soát nội bộ:**

- Hoàn thiện các qui trình hoạt động trong công ty.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát ngăn chặn các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động tại đơn vị.
- Bảo đảm tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ.

5.5. Kế hoạch kinh doanh từng ngành nghề:

▪ **Vận tải Quốc tế:**

- Tăng cường phát triển hệ thống đại lý mới, đặc biệt đối với các đại lý mạnh, có hàng chi định.
- Tăng cường tuyển dụng sales đã có kinh nghiệm, có chính sách tốt cho hoạt động sales.
- Duy trì tốt các mối quan hệ mật thiết với các đối tác cung cấp chiến lược. Tiếp tục mở rộng việc bán coload đối với hàng Air.
- Triển khai việc liên doanh với các đối tác nước ngoài.
- Triển khai Kế hoạch làm Đại lý cho các hãng tàu.

▪ **Giao nhân Nội địa:**

- Chuyên môn hóa, nâng cao nghiệp vụ của nhân viên giao nhận, tổ chức lại bộ máy tác nghiệp theo hướng tinh gọn, tăng năng suất lao động.
- Tăng cường quản lý chi phí, giảm công nợ khách hàng.
- Chuẩn hóa các chương trình đào tạo.

▪ **Kinh doanh Kho bãi:**

- Xây dựng phương án kinh doanh phù hợp với việc phát triển đầu tư kho Sotrans Long Bình.
- Đàm phán giữ giá dịch vụ đầu vào, phát triển hệ thống kho thuê ngoài.
- Từng bước nghiên cứu phát triển khai thác kho hàng chứa kệ (hàng pallet), chứa hàng hóa điện tử, máy tính, điện thoại di động, linh kiện điện tử lớn.

▪ **Khai thác Cảng thông quan nội địa:**

- Tiếp tục phát triển tối đa hóa nguồn hàng hàng hạ bãi chờ xuất như trong thời gian qua đã làm. Cụ thể, trong thời gian qua chúng ta đã khai thác được rất nhiều khách hàng tiềm năng mới như: Shing Mark, RK Resource, Kaiser Furniture, Theodore, VN Samho, Texhong, Hue Phong, Neumann Grupe, Tập đoàn Intimex..., tăng sản lượng hàng xuất về bãi. Mà trong đó đặc biệt là sự trợ giúp bởi hãng tàu APL và Hapag Lloyd.
- Duy trì và phát triển mối quan hệ với các hãng tàu, các cảng.
- Bố trí sắp xếp phương tiện kỹ thuật hợp lý, đảm bảo an toàn trong khai thác, hạn chế mọi rủi ro có thể xảy ra.

▪ **Kinh doanh Xăng dầu:**

- Duy trì hệ thống các nhà cung cấp để chủ động trong nguồn hàng khi thị trường biến động.
- Tập trung đẩy mạnh việc kinh doanh bán sỉ.

VI. KẾT LUẬN:

Năm 2013 công ty đã ổn định được hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tình hình kinh tế khó khăn và tăng trưởng về lợi nhuận, đảm bảo thu nhập cán bộ công nhân viên. Trong năm công ty đã triển khai công tác đầu tư hệ thống kho nhằm đảm bảo cơ sở ổn định cho ngành dịch vụ kho. Bên cạnh đó công ty tiếp tục theo đuổi các dự án quan trọng có mức độ ảnh hưởng lớn và lâu dài đến hoạt động kinh doanh của công ty trong tương lai và qua đó khẳng định rõ nét định hướng chiến lược trong ngành dịch vụ logistics của công ty.

Năm 2014 sẽ vẫn còn là năm khó khăn cho ngành dịch vụ logistics do đây là giai đoạn mở cửa, cạnh tranh khốc liệt, công ty cũng đã dự báo trước và tăng cường các hoạt động liên doanh, liên kết cũng như ổn định ngành nghề để giữ vững sự phát triển trong tương lai.

Ngày 23 tháng 12 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Thủ trưởng các đơn vị, phòng ban trực thuộc;
- Lưu VT.



ĐẶNG VŨ THÀNH



Phần 4 BẢO CẢM TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Đoàn Thị Đông	Chủ tịch
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên
Ông Trần Mạnh Đức	Thành viên
Ông Đinh Quang Hoàn	Thành viên
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên
Ông Lê Việt Thành	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc
Bà Đoàn Thị Đông	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Trần Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 04 tháng 3 năm 2014



Số: 280 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 04 tháng 3 năm 2014 từ trang 3 đến trang 25 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

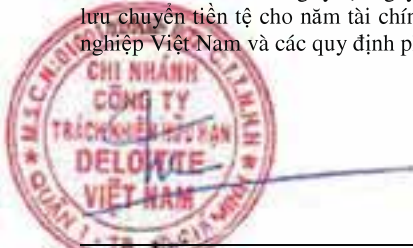
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 04 tháng 3 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Thanh Phương
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
2061-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM
1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		155,486,596,824	136,062,901,110
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	79,832,342,924	62,477,239,278
1. Tiền	111		31,284,961,107	4,119,169,621
2. Các khoản tương đương tiền	112		48,547,381,817	58,358,069,657
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2,449,693,680	2,672,781,360
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6,979,120,100	6,979,120,100
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4,529,426,420)	(4,306,338,740)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64,770,039,974	59,364,550,018
1. Phải thu khách hàng	131		56,754,608,370	56,467,180,551
2. Trả trước cho người bán	132		1,547,145,417	1,066,244,156
3. Các khoản phải thu khác	135	7	8,279,667,873	3,641,602,832
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(1,811,381,686)	(1,810,477,521)
IV. Hàng tồn kho	140	9	1,973,197,951	3,667,811,986
1. Hàng tồn kho	141		1,973,197,951	3,667,811,986
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,461,322,295	7,880,518,468
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		503,352,882	1,006,319,659
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10,041,377	2,815,768
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2,083,261,145	147,660,765
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	3,864,666,891	6,723,722,276
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		32,031,184,445	33,242,520,509
I. Tài sản cố định	220		26,938,470,421	30,978,074,493
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	25,802,994,160	29,623,322,795
- Nguyên giá	222		98,435,840,134	99,048,737,288
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72,632,845,974)	(69,425,414,493)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	1,135,476,261	1,354,751,698
- Nguyên giá	228		2,465,843,779	2,534,943,731
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,330,367,518)	(1,180,192,033)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3,210,000,000	1,680,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	1,530,000,000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14	1,680,000,000	1,680,000,000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1,882,714,024	584,446,016
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	1,706,785,424	408,517,416
2. Tài sản dài hạn khác	268		175,928,600	175,928,600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		187,517,781,269	169,305,421,619

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM
 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		51,733,901,359	40,784,687,703
I. Nợ ngắn hạn	310		51,183,779,359	40,216,811,703
1. Phải trả người bán	312		33,751,747,339	28,835,899,275
2. Người mua trả tiền trước	313		1,300,174,552	401,140,262
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	4,872,186,597	3,124,736,596
4. Phải trả người lao động	315		8,233,543,921	4,243,114,288
5. Chi phí phải trả	316		41,852,075	212,218,008
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	2,906,385,582	2,812,755,373
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		77,889,293	586,947,901
II. Nợ dài hạn	330		550,122,000	567,876,000
1. Phải trả dài hạn khác	333		550,122,000	567,876,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		135,783,879,910	128,520,733,916
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	135,783,879,910	128,520,733,916
1. Vốn điều lệ	411		83,518,570,000	83,518,570,000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6,894,818,939	5,654,810,040
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		23,316,847,261	20,836,829,464
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4,822,713,838	4,078,708,499
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17,230,929,872	14,431,815,913
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		187,517,781,269	169,305,421,619

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM
 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2013		31/12/2012	
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	002	521,820,710,482		504,987,308,658	
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	004	624,958,040		624,958,040	
3. Ngoại tệ (USD)	007	118,337		49,268	
4. Ngoại tệ (EUR)	007	441		554	

Giá trị vật tư hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày kết thúc niên độ kế toán thể hiện giá trị của các loại hàng hóa đang được gửi tại các kho của Công ty theo các hợp đồng cho thuê kho.



Phạm Tường Minh
 Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
 Tổng Giám đốc
 Ngày 04 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM
 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	661,257,036,622	607,333,539,266
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		661,257,036,622	607,333,539,266
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	540,714,208,287	494,863,939,410
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		120,542,828,335	112,469,599,856
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	5,004,914,114	5,551,121,412
7. Chi phí tài chính	22	24	503,249,320	150,080,908
8. Chi phí bán hàng	24		76,455,541,451	72,337,057,705
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17,622,254,843	13,278,489,079
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		30,966,696,835	32,255,093,576
11. Thu nhập khác	31		983,102,252	602,551,452
12. Chi phí khác	32		132,714,041	19,384,066
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	25	850,388,211	583,167,386
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		31,817,085,046	32,838,260,962
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	7,755,660,387	8,038,082,990
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		24,061,424,659	24,800,177,972
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	2,881	2,969


 Phạm Tường Minh
 Kế toán trưởng


 Đặng Vũ Thành
 Tổng Giám đốc
 Ngày 04 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM
1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	31,817,085,046	32,838,260,962
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5,148,608,627	5,562,633,005
Các khoản dự phòng	03	223,991,845	271,218,254
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(465,187)	69,770
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4,913,610,532)	(5,229,617,746)
Chi phí lãi vay	06	8,555,064	12,856,111
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	32,284,164,863	33,455,420,356
Thay đổi các khoản phải thu	09	(4,671,398,161)	(7,136,332,115)
Thay đổi hàng tồn kho	10	1,694,614,035	389,631,178
Thay đổi các khoản phải trả	11	7,362,072,389	3,959,996,407
Thay đổi chi phí trả trước	12	(206,513,947)	(6,006,173)
Tiền lãi vay đã trả	13	(8,555,064)	(12,856,111)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7,538,082,990)	(7,754,870,771)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1,183,077,823	1,250,976,502
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1,167,706,746)	(4,640,422,782)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28,931,672,202	19,505,536,491
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1,794,307,035)	(783,993,895)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	270,240,909	818,181
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1,530,000,000)	-
4. Cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4,803,827,855	5,293,512,396
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1,749,761,729	4,510,336,682
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,416,350,776	13,152,384,262
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,416,350,776)	(13,152,384,262)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(13,324,583,030)	(18,357,195,700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13,324,583,030)	(18,357,195,700)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	17,356,850,901	5,658,677,473
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	62,477,239,278	56,839,351,320
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1,747,255)	(20,789,515)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	79,832,342,924	62,477,239,278

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi trả cổ tức và thu từ lãi trong năm không bao gồm số tiền lần lượt là 180.659.063 đồng (năm 2012: 142.270.893 đồng) và 200.000.000 đồng (năm 2012: 263.943.036 đồng) là số cổ tức đã công bố trong năm nhưng chưa thanh toán và khoản lãi dự thu nhưng chưa thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả và các khoản phải thu.

Phạm Trường Minh
Kế toán trưởng

Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 04 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



Phần 5 THUYẾT MINH BÀI CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Kho Vận Miền Nam theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM ngày 27 tháng 9 năm 2006 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300645369 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và thay đổi lần thứ 7 ngày 1 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”) với tỷ lệ sở hữu chiếm 47,73% vốn điều lệ của Công ty, tương đương với quyền biểu quyết tương ứng. Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 04 tháng 02 năm 2010 với mã cổ phiếu là STG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 334 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 330 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc, xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức, đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh, kinh doanh kho ngoại Quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyên tải hàng hóa, đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), sản xuất gia công các sản phẩm dầu nhớt, dầu mỡ bôi trơn, sản xuất bao bì các loại (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ), mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt - nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng, mua bán hàng may mặc và nguyên phụ liệu may mặc, kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở), kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa, đại lý bảo hiểm, cho thuê xe ô tô, mua bán phụ gia, nguyên liệu pha chế dầu nhờn, kinh doanh bất động sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, đại lý bán vé tàu thủy, bán buôn phân bón, bình ắc quy.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 13, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH Phát Triển Bất Động Sản SORECO, trong đó Công ty sẽ góp 3.060.000.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ cũng như quyền biểu quyết trong SORECO.

Tại ngày kết thúc niên độ, Công ty mới chỉ góp 1.530.000.000 đồng và SORECO cũng chưa đi vào hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản ký cược, ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí liên quan, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 40
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và trang web được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện quyền Công ty sử dụng lô đất tại 36/1 Sương Nguyệt Ánh, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, CHXHCN Việt Nam trong 50 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng của lô đất.

Phần mềm máy tính và trang web được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn là các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch này. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá khoản đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được xem là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Công ty được trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo điều lệ Công ty và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1,379,425,700	1,267,195,171
Tiền gửi ngân hàng	29,905,535,407	2,851,974,450
Các khoản tương đương tiền	48,547,381,817	58,358,069,657
	<u>79,832,342,924</u>	<u>62,477,239,278</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn từ 1 tháng đến 3 tháng với lãi suất từ 5% đến 7% (năm 2012: từ 8% đến 9%).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		
Chứng khoán đã niêm yết	4,516,720,100	4,516,720,100
Chứng khoán chưa niêm yết	2,462,400,000	2,462,400,000
	6,979,120,100	6,979,120,100
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4,529,426,420)	(4,306,338,740)
	<u>2,449,693,680</u>	<u>2,672,781,360</u>

Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dựa trên giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối năm tài chính đối với những chứng khoán niêm yết. Đối với những chứng khoán chưa niêm yết, Công ty trích lập dự phòng dựa trên báo giá trung bình của 3 công ty chứng khoán hoặc giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom), trường hợp không thu thập được giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết thì Công ty không trích lập dự phòng.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Các khoản phải thu khác chủ yếu là các chi trả hộ tiền phụ phí xếp dỡ tại cảng bao gồm các khoản phí liên quan đến việc xếp dỡ, tập kết container từ kho bãi ra cầu tàu, lưu kho tại cảng.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty TNHH Dos-Text Việt Nam	789,775,980	789,775,980
Công ty TNHH Glory Oceanic (Việt Nam)	-	442,926,708
Công ty TNHH TM DV XNK Hiệp Tiến Phát	370,823,240	259,576,268
Công ty Cổ phần Dabaco Tiền Giang	352,615,020	241,404,012
Khách hàng khác	298,167,446	76,794,553
	<u>1,811,381,686</u>	<u>1,810,477,521</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng hóa	<u>1,973,197,951</u>	<u>3,667,811,986</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tạm ứng	3,448,466,891	6,193,537,476
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	416,200,000	530,184,800
	<u>3,864,666,891</u>	<u>6,723,722,276</u>

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	50.797.337.102	5.952.224.757	39.810.344.625	2.488.830.804	99.048.737.288
Tăng trong năm	1.279.782.945	-	-	514.524.090	1.794.307.035
Thanh lý	-	-	(703.445.043)	(45.338.600)	(748.783.643)
Giảm khác	(156.910.318)	(153.798.160)	(40.036.797)	(1.307.675.271)	(1.658.420.546)
Tại ngày 31/12/2013	<u>51.920.209.729</u>	<u>5.798.426.597</u>	<u>39.066.862.785</u>	<u>1.650.341.023</u>	<u>98.435.840.134</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/1/2013	43.179.506.780	3.767.516.079	20.758.924.262	1.719.467.372	69.425.414.493
Khấu hao trong năm	1.349.987.955	412.447.216	3.025.076.048	164.319.627	4.951.830.846
Thanh lý	-	-	(617.280.459)	(34.987.988)	(652.268.447)
Giảm khác	(146.304.250)	(96.034.576)	(28.880.544)	(820.911.548)	(1.092.130.918)
Tại ngày 31/12/2013	<u>44.383.190.485</u>	<u>4.083.928.719</u>	<u>23.137.839.307</u>	<u>1.027.887.463</u>	<u>72.632.845.974</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	<u>7.537.019.244</u>	<u>1.714.497.878</u>	<u>15.929.023.478</u>	<u>622.453.560</u>	<u>25.802.994.160</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>7.617.830.322</u>	<u>2.184.708.678</u>	<u>19.051.420.363</u>	<u>769.363.432</u>	<u>29.623.322.795</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn đang còn tiếp tục sử dụng với nguyên giá là 45.434.961.270 đồng (năm 2012: 43.263.712.847 đồng).

Khoản giảm khác thể hiện các tài sản không còn thỏa điều kiện ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong vòng từ 1 năm đến 3 năm kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, ngày có hiệu lực của Thông tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Trang web VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	1,287,550,000	1,069,512,750	177,880,981	2,534,943,731
Phân loại theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC	-	(53,082,000)	(16,017,952)	(69,099,952)
Tại ngày 31/12/2013	1,287,550,000	1,016,430,750	161,863,029	2,465,843,779
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY				
Tại ngày 01/01/2013	171,673,360	835,653,027	172,865,646	1,180,192,033
Khấu hao trong năm	25,751,004	171,026,777	-	196,777,781
Phân loại theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC	-	(35,599,679)	(11,002,617)	(46,602,296)
Tại ngày 31/12/2013	197,424,364	971,080,125	161,863,029	1,330,367,518
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	1,090,125,636	45,350,625	-	1,135,476,261
Tại ngày 31/12/2012	1,115,876,640	233,859,723	5,015,335	1,354,751,698

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Phát Triển Bất Động Sản SORECO (gọi tắt là "SORECO"), thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312576215 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 12 năm 2013. Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản. Vốn điều lệ của SORECO là 6.000.000.000 đồng, trong đó Công ty sẽ góp 3.060.000.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ cũng như quyền biểu quyết trong SORECO. Tại ngày lập báo cáo, Công ty mới chỉ góp 1.530.000.000 đồng và SORECO cũng chưa đi vào hoạt động.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần SDB Việt Nam (gọi tắt là "SDB"), một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41132000017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2007, và các giấy chứng nhận sửa đổi. Hoạt động chính của SDB là kinh doanh dịch vụ kho bãi; dịch vụ đại lý vận tải; dịch vụ thủ tục, hải quan; dịch vụ logistics. Giá gốc của khoản đầu tư là 1.680.000.000 đồng (năm 2012: 1.680.000.000 đồng) chiếm 35% (năm 2012: 35%) vốn điều lệ cũng như quyền biểu quyết trong SDB. Tại ngày lập báo cáo, SDB không phát sinh lỗ lũy kế nên không cần trích lập dự phòng.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	408,517,416	813,369,399
Tăng trong năm	1,974,447,289	213,581,737
Phân bổ vào chi phí trong năm	(676,179,281)	(618,433,720)
Số dư cuối năm	1,706,785,424	408,517,416

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1,089,043,484	843,738,111
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,255,660,387	2,038,082,990
Thuế thu nhập cá nhân	259,268,876	242,859,695
Các loại thuế khác	1,268,213,850	55,800
	<u>4,872,186,597</u>	<u>3,124,736,596</u>

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	35,999,147	25,863,591
Bảo hiểm y tế	2,892,176	3,817,977
Bảo hiểm thất nghiệp	4,932,154	8,031,074
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,136,232,773	1,217,092,496
Cổ tức phải trả	180,659,063	142,270,893
Phải trả khác	1,545,670,269	1,415,679,342
	<u>2,906,385,582</u>	<u>2,812,755,373</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM
 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	83,518,570,000	4,453,538,386	37,257,128	18,434,286,157	3,763,537,087	15,673,576,074	125,880,764,832
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	24,800,177,972	24,800,177,972
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(37,257,128)	-	-	-	(37,257,128)
Phân phối quỹ	-	1,201,271,654	-	2,402,543,307	720,762,992	(4,324,577,953)	(18,374,085,400)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(2,396,515,722)	(2,396,515,722)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(405,591,580)	(946,759,058)	(1,352,350,638)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2012	83,518,570,000	5,654,810,040	-	20,836,829,464	4,078,708,499	14,431,815,913	128,520,733,916
Tăng vốn	-	1,240,008,899	-	-	-	(1,240,008,899)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	24,061,424,659	24,061,424,659
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối quỹ	-	-	-	2,480,017,797	744,005,339	(3,224,023,136)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(13,362,971,200)	(13,362,971,200)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2,680,017,797)	(2,680,017,797)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(755,289,668)	(755,289,668)
Số dư tại ngày 31/12/2013	83,518,570,000	6,894,818,939	-	23,316,847,261	4,822,713,838	17,230,929,872	135,783,879,910

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 080/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 3 năm 2013, Hội đồng Quản trị đã quyết định trả cổ tức lần hai cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 với tỷ lệ 8% trên vốn điều lệ, tương đương 6.681.485.600 đồng. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 104/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 9 năm 2013, Hội đồng Quản trị đã quyết định thanh toán cổ tức lần 1 cho các cổ đông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 với mức tỷ lệ là 8% trên vốn điều lệ, tương đương là 6.681.485.600 đồng. Ngoài ra, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 086/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013, các cổ đông Công ty đã quyết định thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát là 620.004.449 đồng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 số 086/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Giảm khác thể hiện khoản thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được trích từ lợi nhuận chưa phân phối.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 83.518.570.000 đồng. Số lượng cổ phần và mệnh giá cổ phần như sau:

	31/12/2013
Số lượng cổ phần được phép phát hành	8.351.857
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.351.857
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Tình hình góp vốn điều lệ Công ty của các cổ đông cùng với tỉ lệ sở hữu tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số lượng cổ phiếu		Vốn đã góp	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
			VND	VND
SCIC	3,985,942	3,985,942	39,859,420,000	39,859,420,000
Các cổ đông khác	<u>4,365,915</u>	<u>4,365,915</u>	<u>43,659,150,000</u>	<u>43,659,150,000</u>
	<u>8,351,857</u>	<u>8,351,857</u>	<u>83,518,570,000</u>	<u>83,518,570,000</u>

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận dịch vụ cảng, kho vận, giao nhận vận tải và Bộ phận kinh doanh xăng dầu, nhớt. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

CHỈ TIÊU	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Kinh doanh xăng dầu, nhớt	Tổng cộng
	VND	VND	
Cho năm tài chính tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	489,036,518,907	172,220,517,715	661,257,036,622
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	372,093,086,530	168,621,121,757	540,714,208,287
Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp	116,943,432,377	3,599,395,958	120,542,828,335
Doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác	5,988,016,211	155	5,988,016,366
Các chi phí trực tiếp	86,853,486,133	2,711,664,895	89,565,151,028
Chi phí khấu hao	5,066,542,628	82,065,999	5,148,608,627
Lợi nhuận trước thuế	31,011,419,827	805,665,219	31,817,085,046
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7,554,244,082	201,416,305	7,755,660,387
Lợi nhuận sau thuế	<u>23,457,175,745</u>	<u>604,248,914</u>	<u>24,061,424,659</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Tài sản bộ phận	89,862,632,923	10,090,808,222	99,953,441,145
Tài sản không phân bổ	-	-	87,564,340,124
Tổng tài sản	89,862,632,923	10,090,808,222	187,517,781,269
Nợ phải trả bộ phận	42,070,941,809	886,076,705	42,957,018,514
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	8,776,882,845
Tổng nợ phải trả	42,070,941,809	886,076,705	51,733,901,359

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

CHỈ TIÊU	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Kinh doanh xăng dầu, nhớt	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Cho năm tài chính tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	435,382,032,747	171,951,506,519	607,333,539,266
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	329,201,399,477	165,662,539,933	494,863,939,410
Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp	106,180,633,270	6,288,966,586	112,469,599,856
Doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác	5,671,227,684	482,445,180	6,153,672,864
Các chi phí trực tiếp	75,236,323,124	4,986,055,630	80,222,378,754
Chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	5,386,080,563	176,552,442	5,562,633,005
Lợi nhuận trước thuế	31,229,457,267	1,608,803,694	32,838,260,962
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7,635,882,066	402,200,924	8,038,082,990
Lợi nhuận trong năm	<u>23,593,575,201</u>	<u>1,206,602,771</u>	<u>24,800,177,972</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Tài sản bộ phận	91,147,456,892	9,820,531,525	100,967,988,417
Tài sản không phân bổ	-	-	68,337,433,202
Tổng tài sản	91,147,456,892	9,820,531,525	169,305,421,619
Nợ phải trả bộ phận	34,904,150,582	953,646,353	35,857,796,935
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	4,926,890,768
Tổng nợ phải trả	34,904,150,582	953,646,353	40,784,687,703

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2013	2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	172,220,517,715	171,951,506,519
Doanh thu cung cấp dịch vụ	489,036,518,907	435,382,032,747
	<u>661,257,036,622</u>	<u>607,333,539,266</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2013	2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	168,621,121,757	165,662,539,933
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	372,093,086,530	329,201,399,477
	<u>540,714,208,287</u>	<u>494,863,939,410</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	969,581,739	622,064,449
Chi phí nhân công	55,866,541,080	53,359,505,315
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,148,608,627	5,562,633,105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18,692,088,841	16,627,457,972
Chi phí khác bằng tiền	13,400,071,842	8,909,853,169
	<u>94,076,892,129</u>	<u>85,081,514,010</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3,919,441,319	4,547,332,865
Cổ tức, lợi nhuận được chia	820,443,500	685,929,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	264,564,108	302,811,584
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	465,187	15,047,963
	<u>5,004,914,114</u>	<u>5,551,121,412</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	8,555,064	12,856,111
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	271,606,576	344,921,584
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	15,117,733
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	223,087,680	(222,814,520)
	<u>503,249,320</u>	<u>150,080,908</u>

25. LỢI NHUẬN KHÁC

	2013	2012
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	270,240,909	818,181
Bồi thường từ thu hồi đất của Nhà nước	662,142,777	-
Khác	50,718,566	601,733,271
Thu nhập khác	983,102,252	602,551,452
	<u>1,966,204,504</u>	<u>1,022,402,904</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	96,094,046	4,462,300
Khác	36,619,995	14,921,766
Chi phí khác	132,714,041	19,384,066
	<u>265,428,087</u>	<u>24,768,132</u>
Lợi nhuận khác	<u>850,388,211</u>	<u>583,167,386</u>

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	31,817,085,046	32,838,260,962
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(820,443,500)	(685,929,000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	26,000,000	-
Thu nhập chịu thuế	<u>31,022,641,546</u>	<u>32,152,331,962</u>
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>7,755,660,387</u>	<u>8,038,082,990</u>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24,061,424,659	24,800,177,972
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	<u>8,351,857</u>	<u>8,351,857</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u><u>2,881</u></u>	<u><u>2,969</u></u>

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>19,435,159,456</u>	<u>28,901,970,434</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	4,677,682,507	3,466,419,023
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3,432,785,867	5,068,413,301
Sau năm năm	<u>2,385,919,479</u>	<u>3,303,859,500</u>
	<u><u>10,496,387,853</u></u>	<u><u>11,838,691,824</u></u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất dài hạn, thuê kho và thuê văn phòng tại các xí nghiệp.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	79,832,342,924	62,477,239,278
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63,222,894,557	58,298,305,862
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,449,693,680	2,672,781,360
Các khoản ký quỹ	592,128,600	706,113,400
Tổng cộng	146,097,059,761	124,154,439,900
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	36,658,132,921	31,648,654,648
Chi phí phải trả	41,852,075	212,218,008
Công nợ tài chính khác	550,122,000	567,876,000
Tổng cộng	37,250,106,996	32,428,748,656

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Công ty không có rủi ro lớn về tỷ giá vì luôn đảm bảo dự trữ nguồn ngoại tệ cần thiết để đáp ứng các nhu cầu của Công ty. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đồng Đô la Mỹ (USD)	6,138,908,845	4,697,435,201	10,375,805,760	8,580,146,719
Đồng Euro (EUR)	38,033,416	68,650,822	619,292,251	195,410,730
Đồng Đô la Úc (AUD)	-	-	13,187,108	29,965,208
Đồng Đô la Singapore (SGD)	-	-	8,024,759	39,981,680

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ, đồng Euro, đồng Đô la Úc và đồng Đô la Singapore.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Đồng Đô la Mỹ (USD)	211,844,846	194,135,576
Đồng Euro (EUR)	29,062,942	6,337,995
Đồng Đô la Úc (AUD)	659,355	1,498,260
Đồng Đô la Singapore (SGD)	<u>401,238</u>	<u>1,999,084</u>

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa và thuê dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa và giá thuê dịch vụ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	79,832,342,924	-	79,832,342,924
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63,222,894,557	-	63,222,894,557
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,449,693,680	-	2,449,693,680
Các khoản ký quỹ	416,200,000	175,928,600	592,128,600
Tổng cộng	145,921,131,161	175,928,600	146,097,059,761
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	36,658,132,921	-	36,658,132,921
Chi phí phải trả	41,852,075	-	41,852,075
Công nợ tài chính khác	-	550,122,000	550,122,000
Tổng cộng	36,699,984,996	550,122,000	37,250,106,996
Chênh lệch thanh khoản thuần	109,221,146,165	(374,193,400)	108,846,952,765
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	62,477,239,278	-	62,477,239,278
Phải thu khách hàng và phải thu khác	58,298,305,862	-	58,298,305,862
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,672,781,360	-	2,672,781,360
Các khoản ký quỹ	530,184,800	175,928,600	706,113,400
Tổng cộng	123,978,511,300	175,928,600	124,154,439,900
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	31,648,654,648	-	31,648,654,648
Chi phí phải trả	212,218,008	-	212,218,008
Công nợ tài chính khác	-	567,876,000	567,876,000
Tổng cộng	31,860,872,656	567,876,000	32,428,748,656
Chênh lệch thanh khoản thuần	92,117,638,644	(391,947,400)	91,725,691,244

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần SDB Việt Nam
Công ty TNHH Phát Triển Bất Động Sản SORECO

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	2013	2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần SDB Việt Nam		
Doanh thu	546,522,756	1,219,952,559
Mua hàng	-	1,491,384,138
Công ty TNHH Phát Triển Bất Động Sản SORECO		
Góp vốn	1,530,000,000	-
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:		
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần SDB Việt Nam		
Các khoản phải thu	-	3,700,000
Các khoản phải trả	-	17,041,972
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:		
	2013	2012
	VND	VND
Lương	1,492,438,425	3,284,358,885
Thưởng	183,124,674	68,014,525
Các khoản phúc lợi khác	601,535,616	638,185,044


Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng


Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 04 tháng 3 năm 2014



Phần 6 CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

6.1. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM:

Không có.

6.2. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT:

Bảng 2: Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với Công ty CP Kho Vận Miền Nam

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ hiện tại (tỷ.VNĐ)	Lĩnh vực kinh doanh	Địa chỉ
1.	Công ty cổ phần SDB Việt Nam	4,8 tỷ đồng Trong đó, Sotrans góp 1,68 tỷ đồng (tương đương 35% vốn điều lệ)	Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng. Xếp dỡ giao nhận hàng hoá. Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức. Đại lý tàu biển. Dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan.	Tầng 5 toà nhà Viconsip Sài Gòn, 6-8 Đoàn Văn Bơ, P.9, Quận 4. Hồ Chí Minh
2	Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	6 tỷ đồng. Trong đó Sotrans đóng góp 3,06 tỷ đồng (tương đương 51% vốn điều lệ)	Kinh doanh bất động sản, tư vấn BĐS (trừ môi giới BĐS), quản lý BĐS, quảng cáo BĐS, xây dựng nhà các loại, xây dựng các công trình dân dụng, phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng, hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, hoạt động tư vấn quản lý, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hàng hóa bằng ven biển và viễn dương hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, bốc xếp, kho bãi và lưu giữ hàng hóa	Tầng 16, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM

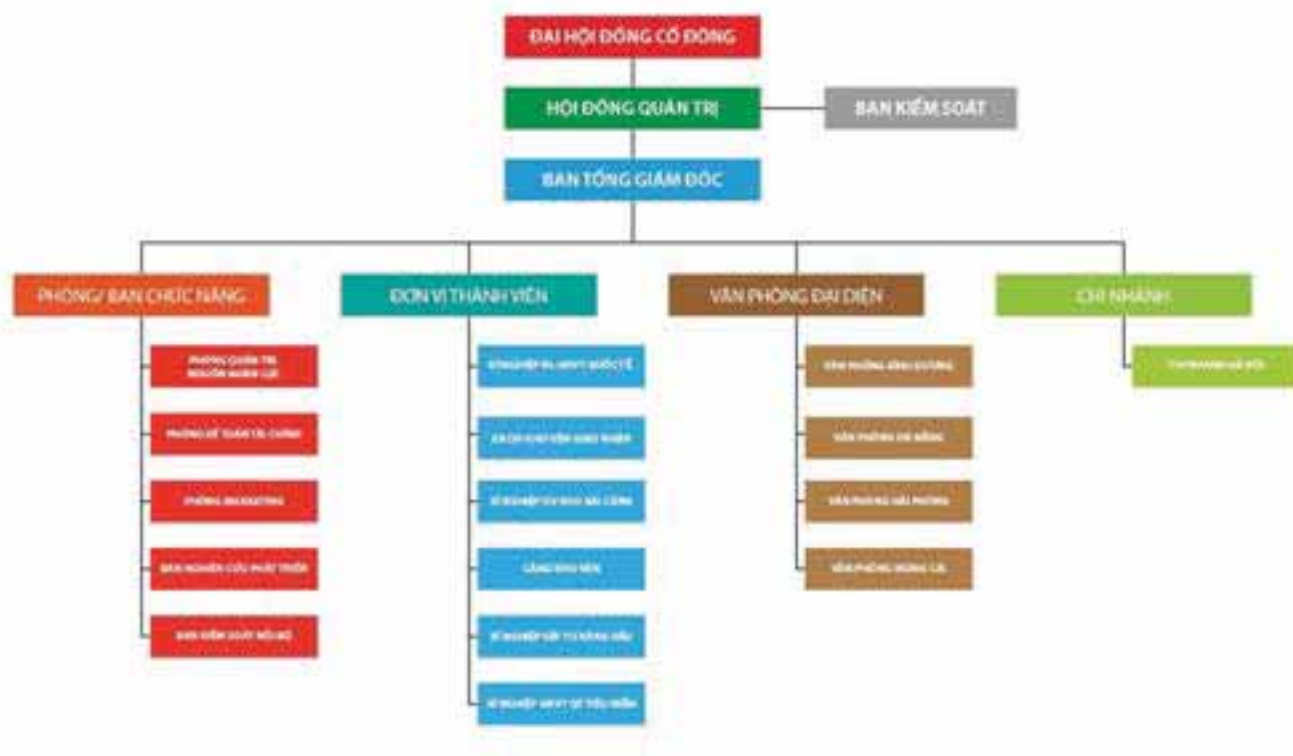


Phần 7 TOI CHÖC VA NHAN SÖI

7.1. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY:

- Ban giám đốc: Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng giám đốc (1 Phó Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 10/01/2014).
- 1 Chi nhánh tại Hà Nội, các VPĐD tại Móng Cái, Hải Phòng, Đà Nẵng, Bình Dương.
- 6 đơn vị thành viên, 5 phòng ban trực thuộc công ty.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 331 người.

Cơ cấu tổ chức của Công ty



7.2. BAN ĐIỀU HÀNH:

Có 3 thành viên bao gồm:
 Ông Đặng Vũ Thành
 Ông Trần Mạnh Đức
 Ông Trần Văn Thịnh
 Ông Phạm Tường Minh

1 Tổng giám đốc, 2 Phó Tổng Giám Đốc và 1 Kế toán trưởng.
 Tổng Giám đốc.
 Phó Tổng Giám đốc.
 Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 10/01/2014).
 Kế toán trưởng.

Tóm tắt lý lịch:

Ông ĐẶNG VŨ THÀNH

Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam.



Ông **Đặng Vũ Thành** giữ chức Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam từ ngày 16/04/2011. Ông Đặng Vũ Thành đã làm việc tại SOTRANS được gần 10 năm và có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động logistics, xuất nhập khẩu. Ông tốt nghiệp Tiến sỹ kinh tế tại học viện LTA St Petersburg, Cộng hòa liên bang Nga, đồng thời có bằng thạc sỹ Quản trị kinh doanh của Đại học Bocconi, Ý.

Từ khi gia nhập SOTRANS năm 2004, Ông đã kinh qua các vị trí Trưởng phòng Marketing Sotrans Logistics, Phó Giám Đốc, Giám đốc Sotrans Logistics, Giám đốc Sotrans Hà Nội và đến nay là Tổng giám đốc Sotrans.

Thông tin cá nhân	Ngày sinh:	11/12/1969	Nơi sinh	Thanh Hóa	Giới tính:	Nam
	CMND	171431808	Quê quán	Thừa Thiên Huế	Dân tộc:	Kinh
	Điện thoại:	(84.8) 3826 6594	Địa chỉ	CD-9 Hưng Vương 3, Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Tp.HCM		
Trình độ chuyên môn:	Tiến sỹ Kinh tế tại Liên bang Nga					
Quá trình Công tác:	12/2000 - 06/2003	Cộng tác viên khoa học Viện lâm nghiệp Saint Petersburg (LB Nga).				
	05/2004 - 11/2005	Trưởng phòng Marketing – Xí nghiệp ĐL GNVN Quốc Tế.				
	12/2005 – 06/2008	Phó Giám Đốc – Xí Nghiệp ĐL GNVN Quốc Tế.				
	7/2008 – 04/2011	Giám Đốc – Xí Nghiệp ĐL GNVN Quốc Tế.				
	05/2011 đến nay	Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam				
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc					

Ông TRẦN MẠNH ĐỨC

Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam.



Ông **Trần Mạnh Đức** giữ chức Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam từ tháng 03 năm 2008. Ông Trần Mạnh Đức khởi nghiệp tại Sotrans và làm việc hơn 18 năm tại các bộ phận khác nhau. Ông có kinh nghiệm trong lĩnh vực logistics, hoạt động kho và cảng thông quan nội địa. Ông tốt nghiệp Trường Đại học Hàng Hải và có bằng thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Từ khi gia nhập SOTRANS năm 1995 Ông đã kinh qua các chức vụ Phó Giám Đốc Sotrans Logistics, Giám đốc Sotrans P&W, Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc Sotrans ICD và hiện nay là Phó Tổng Giám Đốc SOTRANS.

Thông tin cá nhân	Ngày sinh:	20/02/1970	Nơi sinh	Tp.HCM	Giới tính:	Nam
	CMND	022416192	Quê quán	Đồng Tháp	Dân tộc:	Kinh
	Điện thoại:	(84.8) 3826 6594	Địa chỉ	115/58 Trần Đình Xu, P. NCT, Q1, Tp.HCM		
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ chuyên ngành QTKD Đại học Hàng Hải.					
Quá trình Công tác:	01/1995 đến 12/2006	Nhân viên Giao nhận, Tổ trưởng Kinh doanh XN ĐLGNVTQT				
		Phó Giám Đốc – Xí nghiệp ĐL GNVN Quốc Tế.				
		Giám Đốc XN DV Kho Bãi Cảng				
	2007 đến nay	Phó Tổng Giám Đốc Công ty				
	Giám Đốc Cảng Kho Vận					
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc					

Ông Trần Văn Thịnh

Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam (bổ nhiệm 10/01/2014).



Ông Trần Văn Thịnh làm việc tại Sotrans từ những ngày đầu thành lập, ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế, kinh doanh kho bãi, hàng dự án, hàng siêu trường, siêu trọng. Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám Đốc Sotrans từ ngày 10/01/2014, đồng thời là giám đốc của XN Dịch vụ Kho vận Giao nhận.

Thông tin cá nhân	Ngày sinh:	31/05/1961	Nơi sinh	Tp.HCM	Giới tính:	Nam
	CMND	020273806	Dân tộc	Kinh	Quốc tịch	Việt Nam
	Điện thoại:	(84.8) 3826 6594	Địa chỉ	780 Đoàn Văn Bơ, P.6, Q.4, Tp.HCM		
Trình độ chuyên môn:	Đại học Kinh tế Công nghiệp.					
Quá trình Công tác:	1982 – 1994	Nhân viên bảo vệ, thống kê, giao nhận, nghiệp vụ Công ty Kho vận II				
	1995 – 2001	Trưởng trạm Giao nhận Công ty Kho vận Miền Nam				
	2001 – 2008	Phó phòng Giao nhận XN Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc Tế.				
	2008 – 2011	Phó Giám Đốc XN Dịch vụ Kho Vận Giao Nhận				
	4/2011 đến nay	Giám Đốc XN Dịch vụ Kho Vận Giao Nhận				
	01/2014 đến nay	Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam				
Chức vụ hiện nay tại tổ chức nhiệm yết:	P.Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm 10/01/2014), Giám Đốc XN DV KVG N					

Ông PHẠM TƯỜNG MINH

Kế toán trưởng Công ty CP Kho vận Miền Nam.

Ông Phạm Tường Minh được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng Sotrans từ tháng 7 năm 2013. Với hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán tài chính tại Sotrans, am hiểu thị trường logistics.

Thông tin cá nhân	Ngày sinh:	18/04/1981	Nơi sinh	Tp.HCM	Giới tính:	Nam
	CMND	023438262	Quê quán	Thái Bình	Dân tộc:	Kinh
	Điện thoại:	(84.8) 3940 0947	Địa chỉ	83/37 Vườn Lài, P.Phú Thọ Hòa, Q.Tân Phú.		
Trình độ chuyên môn:	Kế toán – Kiểm toán					
Quá trình Công tác:	2002 – 2007	Nhân Viên Kế Toán - XN Đại lý GNV T Quốc Tế				
	2008 – 2009	Phó phòng Kế Toán - XN Đại lý GNV T Quốc Tế				
	2010- 2013	Trưởng phòng Kế Toán - XN Đại lý GNV T Quốc Tế				
	04/2013 – 07/2013	Phó phòng Kế toán Tài Chính – Công ty CP Kho Vận Miền Nam				
	07/2013 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Kho Vận Miền Nam				
Chức vụ hiện nay tại tổ chức nhiệm yết:	Kế toán trưởng					

7.3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

7.3.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Ông TRẦN QUYẾT THẮNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam (Bổ nhiệm từ ngày 15/01/2014).



Ông Trần Quyết Thắng là người có kinh nghiệm sâu rộng về tài chính, đầu tư và vận hành kinh doanh. Ông theo học chuyên ngành luật ở Đức và Vương quốc Anh, và là cổ đông chính của công ty luật Thắng & Cộng sự (Thang & Associates). Ông Thắng là thành viên sáng lập của REFICO và từng là Tổng giám đốc của công ty Chứng khoán Sài Gòn (SSI). Dưới sự lãnh đạo của ông, SSI trở thành công ty chứng khoán tư nhân lớn nhất Việt Nam. Trước Thắng & Cộng sự và SSI, ông là thành viên sáng lập và Phó Giám đốc Tập đoàn Investconsult, một công ty tư vấn đầu tư hàng đầu tại Việt Nam. Ông Thắng là chủ tịch Ủy ban Đầu tư của Quỹ Aureos (Vương quốc Anh), chuyên đầu tư vào các công ty tư nhân trên toàn thế giới. Ông là đồng sáng lập Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn SSI, hiện nay ông đang làm việc tại VP Luật sư Thắng & cộng sự, chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển và tài trợ Địa ốc Refico, chủ tịch HĐQT Công ty CP Kho Vận Miền Nam Sotrans.

Thông tin cá nhân	Ngày sinh:	01/01/1962	Nơi sinh	Tp.HCM	Giới tính:	Nam
	CMND	023324443	Quốc tịch:	Việt Nam		
Trình độ chuyên môn:	Điện thoại:	Địa chỉ Tầng 7, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM				
	Chứng chỉ Phân tích chứng khoán và đầu tư (cấp bởi Ủy Ban Chứng Khoán Việt Nam) Chứng chỉ hoàn thành khoá học cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán (cấp bởi Ủy Ban Chứng Khoán Việt Nam) Cao đẳng Luật Thực Hành (cấp bởi Trường Luật, Luân Đôn, Vương Quốc Anh) Cao đẳng nâng cao về Luật (cấp bởi Trường Luật, Luân Đôn, Vương Quốc Anh) Cử nhân Luật danh dự (Trường đại học Martin-Luther, Halle-Wittenberg, Đức).					
Quá trình Công tác:	1989 – 1995	Đồng sáng lập kiêm Phó Tổng Giám Đốc Tập đoàn Tư vấn Đầu tư InvestConsult				
	2000 – 2003	Đồng sáng lập – Tổng Giám Đốc Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn.				
	1997 đến nay	Văn phòng luật sư Thắng và các cộng sự				
	2003 đến nay	Người sáng lập và chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển và tài trợ Địa ốc (REFICO).				
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Chủ tịch Hội đồng Quản trị					

Ông Đặng Vũ Thành

Thành viên Hội đồng Quản trị. (xem thông tin trong Ban Điều Hành)

Ông Trần Mạnh Đức

Thành viên Hội đồng Quản trị. (xem thông tin trong Ban Điều Hành)

Ông Lê Việt Thành

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam



Ông Lê Việt Thành tham gia HĐQT Sotrans từ 30/08/2012. Ông Lê Việt Thành là thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, kỹ sư kinh tế vận tải biển, có bằng quản lý rủi ro và doanh nghiệp bảo hiểm. Ông có nhiều kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực giao nhận vận tải, bảo hiểm. Hiện nay ông là phó giám đốc Chi nhánh khu vực phía nam của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

Thông tin cá nhân	Ngày sinh:	10/06/1970	Quê quán:	Hà Tĩnh	Giới tính:	Nam
	CMND	023620039	Dân tộc:	Kinh	Quốc tịch:	Việt Nam
	Điện thoại:	(84.8) 6299 2082	Địa chỉ	Số 02, đường 49, P. Thảo Điền, Quận 2, Tp.HCM		

Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh. Kỹ sư kinh tế vận tải biển. Bằng quản lý rủi ro và doanh nghiệp bảo hiểm.	
Quá trình Công tác:	1992 - 1993	Nhân viên giao nhận, Công ty Giao nhận và xếp dỡ kho bãi Nhà Bè.
	1993 - 1994	Kế toán viên, Xí nghiệp In Hải Quan, Tổng cục Hải quan.
	1994 - 2005	Chuyên viên, Trưởng phòng Bảo hiểm tài sản, Trưởng phòng Bồi thường, Công ty Bảo hiểm Thành phố Hồ Chí Minh
	2005 – 2007	Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Bảo Hiểm AIA
	2007 đến nay	Phó Giám Đốc Chi nhánh khu vực phía Nam - Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên HĐQT.	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Phó Giám Đốc Chi nhánh khu vực phía Nam - Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước Phó chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Dược phẩm TVPHARM Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần Bảo Minh	

Ông Đinh Quang Hoàn

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam.



Ông Hoàn có hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn tài chính, kế toán và kiểm toán. Trước khi gia nhập VCSC, Ông Hoàn giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Tư vấn của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt - Chi nhánh Tp. HCM, phụ trách các lĩnh vực phát hành, niêm yết chứng khoán, bảo lãnh phát hành, cổ phần hóa, tái cấu trúc hoạt động các công ty.

Trước đó, Ông Hoàn làm việc tại Công ty kiểm toán quốc tế KPMG với chức vụ Trưởng phòng kiểm toán, phụ trách các dự án kiểm toán, soát xét tài chính cho các tập đoàn đa quốc gia cũng như các doanh nghiệp trong nước.

Ông có bằng Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính và bằng Cử nhân chuyên ngành Kế toán Kiểm toán của trường Đại học Kinh tế Tp. HCM. Ông có chứng chỉ kiểm toán viên độc lập của Bộ Tài Chính và là thành viên của Hiệp hội Kế toán viên công chứng - Vương quốc Anh (ACCA).

Thông tin cá nhân	Ngày sinh:	22/08/1976	Quê quán:	Hải Phòng	Giới tính:	Nam
	CMND	025004907	Dân tộc:	Kinh	Quốc tịch:	Việt Nam
	Điện thoại:	(84.8) 3914 3588	Địa chỉ	C22 Khu Nam Long, Đường Gò Ô Môi, Q7, TPHCM		

Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế Hội viên hội Kế Toán Viên Công Chứng Anh Quốc (ACCA)	
Quá trình Công tác:	9/1998- 6/2002	Kiểm toán viên – Công ty Kiểm toán Arthur Andersen
	6/2002- 3/2007	Trưởng phòng Kiểm toán – Công ty Kiểm toán KPMG
	3/2007- 8/2007	Phó phòng Tư vấn – Công ty Chứng khoán Bảo Việt
	8/2007 – nay	Giám Đốc Tư vấn, Phó TỔng Giám Đốc – Công ty CP Chứng khoán Bản Việt
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên HĐQT.	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Phó Tổng Giám Đốc – Công ty CP Chứng khoán Bản Việt. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, công ty cổ phần Vinacafe Biên Hòa	

Bà Đoàn Thị Đông

Thành viên HĐQT Công ty CP Kho vận Miền Nam.



Bà Đoàn Thị Đông công tác tại Sotrans từ năm 1985, bà đảm nhiệm chức Giám Đốc Xí nghiệp Kinh Doanh Thương Mại, Giám Đốc XN Hóa Dầu SOLUBE, Phó Tổng Giám Đốc Sotrans và là Chủ tịch HĐQT Sotrans từ 19/04/2012 đến ngày 15/01/2014.

Thông tin cá nhân	Ngày sinh:	08/06/1957	Quê quán:	Quảng Trị	Giới tính:	Nữ
	CMND	024673525	Dân tộc:	Kinh	Quốc tịch:	Việt Nam
	Điện thoại:	(84.8) 3826 6594	Địa chỉ			
Trình độ chuyên môn:	Đại học Bách Khoa chuyên ngành Động cơ. Đại học Thương mại chuyên ngành Quản trị Kinh Doanh.					
Quá trình Công tác:	05/1981 đến 06/1985	Cán bộ Kỹ thuật Công ty XD cấp thoát nước số 2				
	07/1985 đến 12/2006	Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ: - Cán bộ Kỹ thuật, chuyên viên Kế hoạch Nghiệp vụ. - Trưởng ban Vật tư Kỹ thuật, Xưởng phó xưởng sửa chữa. - Giám đốc XN Kinh doanh Thương mại. - Giám đốc XN Hóa Dầu Solube - Phó Giám đốc Công ty.				
	01/2007 đến 19/04/2012	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam.				
	19/04/2012 đến 01/2014	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc Cty CP Kho Vận Miền Nam				
	Từ 01/01/2013	Nghỉ hưu theo chế độ BHXH, thôi giữ chức Phó tổng Giám Đốc				
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên HĐQT.					

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Bà Đoàn Thị Đông	Chủ tịch HĐQT	6	6/6
2	Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên HĐQT	6	6/6
3	Ông Trần Mạnh Đức	Thành viên HĐQT	6	6/6
4	Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên HĐQT	6	6/6
5	Ông Đinh Quang Hoàn	Thành viên HĐQT	6	6/6
6	Ông Lê Việt Thành	Thành viên HĐQT	6	6/6

7.3.2. BAN KIỂM SOÁT:

Ông Ngô Lê Quang Tín

Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho vận Miền Nam nhiệm kỳ 2012 – 2017:

Thông tin cá nhân	Ngày sinh:	01/06/1985	Quê quán:	Thừa Thiên Huế	Giới tính:	Nam
	CMND	024189923	Dân tộc:	Kinh	Quốc tịch:	Việt Nam
	Điện thoại:	(84.8) 6299 2082	Địa chỉ	47 Thiên Hộ Dương, P.1, Q.Gò Vấp, TP. HCM		
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính - Tín dụng					
Quá trình Công tác:	2007 - 2008	Nhân viên Phòng Kinh doanh tiền tệ Ngân hàng TMCP Phương Nam.				
	2008 – 2010	Kiểm soát viên Phòng Quản lý kinh doanh tiền tệ Ngân hàng liên doanh Indovina.				
	2010 đến nay	Chuyên viên đầu tư Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Chi nhánh khu vực phía Nam.				
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Trưởng Ban Kiểm Soát					

Bà Nguyễn Vũ Hoài Ân

Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho Vận Miền Nam nhiệm kỳ 2012 – 2017:

Thông tin cá nhân	Ngày sinh:	22/10/1979	Quê quán:	Thái Bình	Giới tính:	Nữ
	CMND	250447914	Dân tộc:	Kinh	Quốc tịch:	Việt Nam
	Điện thoại:	0983 507073	Địa chỉ	26B Nguyễn An Ninh, P.6, Đà Lạt, Lâm Đồng		
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế					
Quá trình Công tác:	2003 – 2010	nhân viên Kế toán tại Xí Nghiệp Dịch Vụ Kho Vận Giao Nhận - Công ty cổ Phần Kho Vận Miền Nam				
	2010 – 2013	Trưởng phòng Kế toán tại Xí Nghiệp Dịch Vụ Kho Vận Giao Nhận - Công ty cổ Phần Kho Vận Miền Nam				
	2013 đến nay					
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên Ban kiểm soát					

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho Vận Miền Nam nhiệm kỳ 2012 – 2017:

Thông tin cá nhân	Ngày sinh:	03/07/1974	Quê quán:	Ninh Bình	Giới tính:	Nữ
	CMND	022704721	Dân tộc:	Kinh	Quốc tịch:	Việt Nam
	Điện thoại:	0903 988 784	Địa chỉ	292B Trần Phú, Phường 8, Quận 5, TP.HCM		
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản trị Kinh Doanh (chuyên ngành Ngoại Thương) – ĐH Kinh tế Tp.HCM					
Quá trình Công tác:	1998 – 2001	Nhân viên Phòng Kinh doanh, XN Kinh doanh Thương Mại - Công ty Kho vận Miền Nam				
	2001 -2004	Phó Phòng KHSX-XNK - XN Kinh doanh Thương Mại - Công ty Kho vận Miền Nam				
	2004 – 2005	Phó Phòng phụ trách Phòng Kinh doanh - XN Kinh doanh Thương Mại - Công ty Kho vận Miền Nam				
	04 – 11/2005	Trưởng Phòng Kinh doanh - XN Kinh doanh Thương Mại - Công ty Kho vận Miền Nam				
	2005 -2007	Trưởng phòng Marketing – XN Hóa Dầu SOLUBE				
	2007 – 2008	Phó phòng Marketing – XN Hóa Dầu SOLUBE				
	2008 – 2011	Phó Giám Đốc XN Dịch vụ Kho bãi Cảng - Công ty CP Kho vận Miền Nam				
	2011 – 2013	Phó phòng Quản trị Nguồn Nhân lực – Cty CP Kho Vận Miền Nam				
	01/2014 đến nay	Tổ trưởng Tổ hỗ trợ – P.QTNNL – Cty CP Kho vận Miền Nam				
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên Ban kiểm soát.					

7.4. CÁC VĂN PHÒNG VÀ CHI NHÁNH:

- Văn phòng trụ sở chính Công ty:
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
1B Hoàng Diệu, P.13, Q.4, Tp. HCM
- Các đơn vị trực thuộc:

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1.	Xí nghiệp Đại lý giao nhận Vận tải Quốc tế	Số 1B Hoàng Diệu, Q.4, Tp. HCM.
2.	Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận Giao nhận	Số 1B Hoàng Diệu, Q.4, Tp. HCM.
3.	Xí nghiệp dịch vụ Kho bãi Cảng	Km 9 Xa Lộ Hà Nội Q.TĐ, Tp. HCM.
4.	Xí nghiệp GNVT Quốc tế Tiêu điểm	16 Cửu Long, Q. Tân Bình, Tp. HCM.
5.	Cảng Kho vận	Km 9 Xa Lộ Hà Nội Q.TĐ, Tp. HCM.
6.	Xí nghiệp Vật Tư Xăng dầu	Số 18 Hoàng Diệu, Q.4, Tp. HCM.

- Các chi nhánh trực thuộc:

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1.	Chi nhánh SOTRANS tại Hà Nội	Số 142 Đội Cấn, Q. Đống Đa, Hà Nội.

▪ **Các văn phòng trực thuộc:**

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1.	Văn phòng Bình Dương	08 Ngô Gia Tự, TX Thủ Dầu Một, Bình Dương.
2.	Văn phòng Đà Nẵng	245 Trưng Nữ Vương, Q.Hải Châu, Đà Nẵng
3.	Văn phòng Hải Phòng	11 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền, Hải Phòng
4.	Văn phòng Móng Cái	28 Hòa Lạc, P. Hòa Lạc, Móng Cái, Quảng Ninh.

7.5. CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG:

▪ **Phòng Quản trị nguồn nhân lực:**

Phòng Quản trị Nguồn nhân lực là phòng chuyên môn có chức năng tham mưu giúp cho Ban Lãnh đạo công ty trong quản lý, điều hành về các lĩnh vực :

- Quản trị chiến lược nhân sự.
- Quản trị hành chính.
- Công tác thi đua, khen thưởng.
- Công tác thanh tra, bảo vệ.
- Công tác đào tạo nguồn nhân lực
- Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản.
- Công tác pháp chế.
- Công tác An toàn – Bảo hộ lao động – Vệ sinh môi trường.

▪ **Ban nghiên cứu và phát triển:**

Ban nghiên cứu và phát triển có chức năng quản trị, tham mưu giúp Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc Công ty trong việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, cơ chế chính sách quản lý, cách thức tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển hoạt động công ty và các đơn vị thành viên.

▪ **Phòng Kế Toán Tài Chính:**

Phòng Kế Toán Tài Chính công ty là phòng quản lý nghiệp vụ có chức năng thực hiện công tác kế toán tài chính, tham mưu giúp Tổng Giám Đốc quản lý về vốn và tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn

công ty: trực tiếp theo dõi và quản lý tài sản cố định, tài sản lưu động, vốn, công nợ, doanh thu, chi phí, thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, đề xuất phân phối lợi nhuận, trả cổ tức. Thực hiện các báo cáo quyết toán tháng, quý, năm theo qui định của pháp luật đồng thời hướng dẫn, chỉ đạo về chuyên môn các phòng kế toán đơn vị trực thuộc.

▪ **Phòng Marketing:**

Phòng Marketing là phòng quản lý nghiệp vụ, có chức năng quản trị, tham mưu, giúp Tổng Giám đốc trong việc định hướng thị trường mục tiêu, phân khúc thị trường và định vị sản phẩm, hoạch định chiến lược Marketing và chiến lược kinh doanh trong toàn Công ty.

▪ **Ban kiểm soát nội bộ:**

Ban kiểm soát nội bộ có chức năng kiểm tra, đánh giá các hoạt động của Sotrans. Ban kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ tham mưu cho Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết HĐQT, các Quyết định do Tổng Giám đốc và các cấp quản trị ban hành và việc thực thi các quy chế quản lý đảm bảo đầy đủ, chính xác và kịp thời; Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc nhận diện, kiểm soát và hạn chế các rủi ro đối với hoạt động của Công ty, đề xuất các biện pháp ngăn ngừa và khắc phục tồn tại, hạn chế trong các hoạt động của Công ty và công tác quản lý nội bộ, phối hợp với các bộ phận khác, soạn thảo, ban hành các qui chế nhằm hoàn thiện Hệ thống kiểm soát nội bộ..

7.6. THAY ĐỔI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH:

Không có.

7.7. CÁN BỘ CNV VÀ CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

▪ **Số lượng lao động và cơ cấu lao động:**

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2013 là 331 người với cơ cấu như sau:

Cơ cấu lao động theo trình độ và tính chất công việc.

Phân loại	Số người	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ		
Trên đại học	7	2%
Đại học	155	47%
Cao đẳng	26	8%
Trung cấp, CNKT lành nghề	36	11%
Lao động phổ thông	107	32%
Tổng cộng	331	100%
Theo tính chất công việc		
Lao động trực tiếp	241	73%
Lao động gián tiếp	90	27%
Tổng cộng	331	100%

▪ **Chế độ làm việc:**

- Công ty thực hiện chế độ 40 giờ/tuần, từ thứ 2 đến thứ 6: 8 giờ/ngày. Người lao động được nghỉ các ngày lễ theo quy định hiện hành. Ngoài thời gian trên, nếu có công việc phải thực hiện theo yêu cầu của người ủy thác dịch vụ, hay để phù hợp với lịch tàu, kế hoạch làm hàng... thì phụ trách các bộ phận phải bố trí sắp xếp những người có liên quan tiếp tục thực hiện công việc trong phạm vi cần thiết. Người lao động làm thêm giờ được bố trí nghỉ bù vào những ngày khác trong tuần, tuy nhiên thời gian làm thêm giờ không được vượt mức quy định tại điều 69, Bộ Luật lao động.
- Người lao động có 12 tháng làm việc trở lên tại Công ty được nghỉ phép hàng năm và hưởng nguyên lương 12 ngày làm việc. Mỗi 5 năm làm việc, người lao động sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.
- Công ty và người lao động có nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định hiện hành. Các chế độ thanh toán trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thôi việc,... được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện nội quy an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo các điều kiện lao động phù hợp với



sức khỏe của người lao động.

▪ **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:**

- Để lương, thưởng thực sự là đòn bẩy khuyến khích Cán bộ CNV tích cực, sáng tạo trong lao động

nhằm đem lại hiệu quả cao, Công ty xây dựng hệ số trả lương, thưởng cho mỗi chức danh công việc trên cơ sở tham khảo hệ thống thang bảng lương của Doanh nghiệp Nhà nước, một số doanh nghiệp cùng ngành nghề, trong đó quan tâm đãi ngộ đội ngũ cán bộ quản lý điều hành doanh nghiệp, cán bộ CNV có năng lực sales giỏi và những người đã cống hiến nhiều cho Công ty.

- Công ty quan tâm nâng cao đời sống CBCNV với mức thu nhập năm sau luôn luôn cao hơn năm trước. Chính sách thưởng các đơn vị có lợi nhuận cao nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo trong toàn Công ty.
- Đối với khâu kinh doanh then chốt (như bộ phận sales) thực hiện khoán doanh thu, lợi nhuận có thưởng theo lũy tiến nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh, đem lại hiệu quả cao.
- Ngoài việc đãi ngộ tiền lương, thưởng Công ty còn thưởng chuyến du lịch nước ngoài cho những cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đồng thời xét bổ nhiệm vào vị trí phù hợp để được hưởng mức thu nhập cao hơn.
- Được gửi quà mừng là tiền mặt khi người lao động kết hôn và sinh con bên cạnh các chế độ hiện hành của Nhà nước.
- Được hỗ trợ chi phí thăm hỏi khi người lao động ốm đau và trợ cấp cho gia đình (là tư thân phụ mẫu) có tang gia.
- Hằng năm Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát.
- Duy trì các hình thức họp mặt truyền thống trong các dịp Tết cổ truyền, kỷ niệm: ngày Thương binh, ngày Phụ nữ, ngày thành lập quân đội, tổ chức hội thi, vui chơi, tuyên dương, tặng quà, trao học bổng cho các cháu học giỏi là con của người lao động đang làm việc tại Công ty.
- Tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao,... cho người lao động, mua sắm trang phục, dụng cụ thể thao, tổ chức luyện tập, giao lưu, thi đấu...



Phần 8 THÔNG TIN CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ CÔNG TY

8.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

8.1.1. Tỷ lệ nắm giữ cổ phần:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Trần Quyết Thắng	Chủ tịch	3,366	0.04%
2	Trần Mạnh Đức	Thành viên	4,561	0.05%
3	Đặng Vũ Thành	Thành viên	2,404	0.03%
4	Đoàn Thị Đông	Thành viên	7,194	0.09%
5	Đình Quang Hoàn	Thành viên	1,000	0.01%
6	Lê Việt Thành	Thành viên	0	0.00%
7	Trần Văn Thịnh	PTGD	1	0.00%
8	Phạm Tường Minh	KTT	2,238	0.03%
9	Ngô Lê Quang Tín	Trưởng BKS	10	0.00%
10	Nguyễn Vũ Hoài Ân	Thành viên BKS	0	0.00%
11	Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên BKS	0	0.00%

8.2. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG:

8.2.1. Cơ cấu vốn cổ đông:

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị (đvt: 1,000đ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu	Giá trị (đvt: 1,000đ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đvt: 1,000đ)	Tỷ lệ (%)
I. Tổng số vốn chủ sở hữu	8,341,727	83,417,270	99.88%	10,130	101,300	0.12%	8,351,857	83,518,570	100%
1. Cổ đông Nhà nước	3,985,942	39,859,420	47.73%	-	-	-	3,985,942	39,859,420	47.73%
2. Cổ đông đặc biệt	20,774	207,740	0.25%	-	-	-	20,774	207,740	0.25%
- Hội đồng quản trị	18,525	185,250	0.22%	-	-	-	18,525	185,250	0.22%
- Ban Tổng Giám đốc (*)	1	10	0.00%	-	-	-	1	10	0.00%
- Ban kiểm soát	10	100	0.00%	-	-	-	10	100	0.00%
- Kế Toán Trưởng	2,238	22,380	0.03%	-	-	-	2,238	22,380	0.03%
4. Cổ đông khác	4,335,011	43,350,110	51.90%	-	-	-	4,335,011	43,350,110	51.90%
- Cá nhân	3,503,555	35,035,550	41.95%	560	5,600	0.01%	3,504,115	35,041,150	41.96%
- Tổ chức	831,456	8,314,560	9.96%	9,570	95,700	0.11%	841,026	8,410,260	10.07%
II. Cổ phiếu quỹ									

Ghi chú: (*) không bao gồm cổ đông là thành viên HĐQT

8.2.2. Cơ cấu tỷ lệ sở hữu:

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đvt: 1,000vnd)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đvt: 1,000vnd)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đvt: 1,000vnd)	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn chủ sở hữu	8,341,727	83,417,270	99.88%	10,130	101,300	0.1%	8,351,857	83,518,570	100.0%
Cổ đông sáng lập	3,993,136	39,931,360	47.81%	-	-	-	3,993,136	39,931,360	47.81%
Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	831,386	8,313,860	9.95%	-	-	-	831,386	8,313,860	9.95%
Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	2,832,412	28,324,120	33.91%	-	-	-	2,832,412	28,324,120	33.91%
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	684,793	6,847,930	8.20%	10,130	101,300	0.1%	694,923	6,949,230	8.32%



Add: 1B Hoang Dieu St., Ward 13, Dist. 4, HoChiMinh City, Vietnam

Tel: (84.8) 3825 3009 - Fax: (84.8) 3826 6593

Email: info@sotrans.com.vn - Website: www.sotrans.com.vn